

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 01 - Môn thi: Toán

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240001	Phạm Tâm	An	Nam	11	7	2010	9A6	Hà Nội	Toán	Phan Chu Trinh
2	240002	Đặng Phương	Anh	Nữ	16	5	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Nguyễn Công Trứ
3	240003	Đỗ Minh Tuấn	Anh	Nam	23	12	2010	9A9	Hà Nội	Toán	Phan Chu Trinh
4	240004	Nguyễn Hà	Anh	Nữ	29	4	2010	9A3	Hà Nội	Toán	Thăng Long
5	240005	Nguyễn Vương Hà	Anh	Nam	25	2	2010	9A3	Hà Nội	Toán	Ba Đình
6	240006	Trương Thùy	Anh	Nữ	19	8	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Nguyễn Tri Phương
7	240007	Vũ Quang	Anh	Nam	26	11	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Phan Chu Trinh
8	240008	Đoàn	Bách	Nam	24	6	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Nguyễn Tri Phương
9	240009	Nguyễn Như Hoàng	Bách	Nam	4	5	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Giảng Võ 2
10	240010	Lê Hải	Châu	Nữ	9	11	2011	8A2	Hà Nội	Toán	Giảng Võ
11	240011	Phạm Thành	Công	Nam	10	1	2010	9A2	Hà Nội	Toán	Phúc Xá
12	240012	Đinh Hùng	Cường	Nam	23	8	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Giảng Võ 2
13	240013	Vũ Tiến	Cường	Nam	17	2	2010	9A4	Hà Nội	Toán	Giảng Võ
14	240014	Đỗ Trí	Dũng	Nam	24	9	2011	8A2	Hà Nội	Toán	Giảng Võ
15	240015	Lê Tiến	Dũng	Nam	8	1	2010	9A2	Hà Nội	Toán	Giảng Võ
16	240016	Phạm Anh	Dũng	Nam	1	3	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Giảng Võ 2
17	240017	Phạm Xuân	Dũng	Nam	7	10	2010	9A9	Hà Nội	Toán	Phan Chu Trinh
18	240018	Vũ Việt	Dũng	Nam	22	1	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Nguyễn Tri Phương
19	240019	Vũ Việt	Dũng	Nam	6	5	2010	9A5	Ninh Bình	Toán	Phan Chu Trinh
20	240020	Đỗ Thái	Dương	Nam	11	8	2010	9A0	Hà Nội	Toán	Thăng Long
21	240021	Nguyễn Duy	Dương	Nam	13	10	2010	9A6	Hà Nội	Toán	Thăng Long
22	240022	Nguyễn Hồng	Dương	Nam	30	12	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Giảng Võ 2
23	240023	Vũ Tùng	Dương	Nam	16	12	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Ba Đình
24	240024	Nguyễn Trọng Bảo	Duy	Nam	23	10	2010	9A9	Hà Nội	Toán	Phan Chu Trinh
25	240025	Phạm Thanh	Giang	Nữ	27	3	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Giảng Võ
26	240026	Nguyễn Phương	Hà	Nữ	9	2	2011	8A2	Hà Nội	Toán	Giảng Võ

Danh sách có 26 thí sinh./

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 02 - Môn thi: Toán

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240027	Trần Thu	Hà	Nữ	13	9	2010	9A3	Hà Nội	Toán	Mạc Đình Chi
2	240028	Lại Hoàng	Hải	Nam	13	7	2010	9C	Hà Nội	Toán	Thực Nghiệm KHGD
3	240029	Dương Phạm	Hiền	Nam	16	7	2011	8A3	Anh quốc	Toán	Giảng Võ
4	240030	Đỗ Duy	Hiếu	Nam	2	6	2010	9A0	Thái Bình	Toán	Thăng Long
5	240031	Vũ Sinh	Hùng	Nam	16	4	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Giảng Võ
6	240032	Phạm Gia	Hưng	Nam	18	5	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Ba Đình
7	240033	Nguyễn Đỗ	Hưng	Nam	3	8	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Hoàng Hoa Thám
8	240034	Trần Vĩnh	Hưng	Nam	30	10	2011	8A1	Hà Nội	Toán	Thành Công
9	240035	Trịnh Lê	Hưng	Nam	6	1	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Giảng Võ 2
10	240036	Nguyễn Thiên	Hương	Nữ	9	10	2010	9A3	Hà Nội	Toán	Thăng Long
11	240037	Đinh Gia	Huy	Nam	9	1	2010	9B	Hà Nội	Toán	Thực Nghiệm KHGD
12	240038	Đoàn Gia	Huy	Nam	9	1	2010	9A4	Hà Nội	Toán	Mạc Đình Chi
13	240039	Đoàn Nguyên	Huy	Nam	25	9	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Thành Công
14	240040	Nguyễn Đức	Huy	Nam	25	10	2010	9A2	Hà Nội	Toán	Nguyễn Tri Phương
15	240041	Phạm Quang	Huy	Nam	16	11	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Nguyễn Tri Phương
16	240042	Sái Đăng	Huy	Nam	10	3	2010	9A8	Hà Nội	Toán	Ba Đình
17	240043	Trần Gia	Huy	Nam	28	2	2010	9B	Hà Nội	Toán	Thăng Long
18	240044	Ngô Minh	Khang	Nam	21	1	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Ba Đình
19	240045	Nguyễn Minh	Khang	Nam	13	9	2010	9A9	Hà Nội	Toán	Giảng Võ
20	240046	Nguyễn Minh	Khánh	Nam	1	8	2010	9A2	Hà Nội	Toán	Thành Công
21	240047	Trần	Khánh	Nam	2	5	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Ba Đình
22	240048	Vũ Quốc	Khánh	Nam	29	8	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Giảng Võ 2
23	240049	Phạm Gia	Khiêm	Nam	26	10	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Giảng Võ 2
24	240050	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	17	3	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Nguyễn Trãi
25	240051	Nguyễn Đức	Kiên	Nam	25	9	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Nguyễn Công Trứ
26	240052	Đoàn Bảo	Lâm	Nam	15	9	2010	9A3	Hà Nội	Toán	Nguyễn Tri Phương

Danh sách có 26 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 03 - Môn thi: Toán

Họ và tên CBCT1:.....
Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký
Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240053	Nguyễn Thanh	Lâm	Nam	19	2	2010	9A6	Hà Nội	Toán	Thăng Long
2	240054	Phan Chí	Lâm	Nam	21	8	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Giảng Võ 2
3	240055	Phú Chí	Lâm	Nam	14	3	2010	9A4	Hà Nội	Toán	Giảng Võ
4	240056	Mai Ngọc	Lan	Nữ	6	10	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Thống Nhất
5	240057	Trần Ngọc	Linh	Nữ	12	11	2010	9A2	Hà Nội	Toán	Nguyễn Trãi
6	240058	Nguyễn Hải	Long	Nam	15	4	2010	9A9	Hà Nội	Toán	Giảng Võ
7	240059	Đặng Đức	Lương	nam	21	7	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Giảng Võ 2
8	240060	Nguyễn Phương	Ly	Nữ	8	12	2010	9A3	Hà Nội	Toán	Thống Nhất
9	240061	Nguyễn Đăng	Mạnh	Nam	26	8	2010	9A2	Hà Nội	Toán	Hoàng Hoa Thám
10	240062	Bùi Tiến	Minh	Nam	23	5	2010	9A2	Hà Nội	Toán	Thành Công
11	240063	Hà Đức	Minh	Nam	5	7	2010	9A4	Hà Nội	Toán	Mạc Đình Chi
12	240064	Hà Ngọc	Minh	Nam	18	1	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Nguyễn Tri Phương
13	240065	Nguyễn Đức	Minh	Nam	30	1	2010	9A3	Hà Nội	Toán	Hoàng Hoa Thám
14	240066	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	25	6	2010	9A3	Hà Nội	Toán	Nguyễn Công Trứ
15	240067	Nguyễn Quang	Minh	Nam	21	2	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Ba Đình
16	240068	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	27	6	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Hoàng Hoa Thám
17	240069	Nguyễn Vũ	Minh	Nam	21	9	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Giảng Võ
18	240070	Phạm Khắc	Minh	Nam	22	12	2010	9A11	Hà Nội	Toán	Giảng Võ
19	240071	Phạm Võ Nhật	Minh	Nam	28	4	2010	9A2	Hà Nội	Toán	Nguyễn Công Trứ
20	240072	Phạm Xuân Anh	Minh	Nam	12	1	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Phan Chu Trinh
21	240073	Phan Anh	Minh	Nam	27	9	2010	9A2	Hà Nội	Toán	Thống Nhất
22	240074	Trần Anh Đức	Minh	Nam	26	2	2010	9A4	Hà Nội	Toán	Thành Công
23	240075	Hoàng Trọng	Nghĩa	Nam	27	2	2010	9A0	Hà Nội	Toán	Thăng Long
24	240076	Lại Duy Tuấn	Nguyên	Nam	13	7	2010	9A9	Đồng Nai	Toán	Phan Chu Trinh
25	240077	Đặng Vũ Minh	Nhật	Nam	7	9	2010	9A6	Hà Nội	Toán	Giảng Võ
26	240078	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	19	1	2010	9A6	Hà Nội	Toán	Giảng Võ

Danh sách có 26 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 04 - Môn thi: Toán

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240079	Nguyễn Phạm Thanh	Phong	Nam	2	7	2010	9A4	Hà Nội	Toán	Nguyễn Công Trứ
2	240080	Phạm Tuấn	Phong	Nam	8	11	2010	9A2	Hà Nội	Toán	Nguyễn Công Trứ
3	240081	Nguyễn Mạnh	Phúc	Nam	29	12	2010	9A4	Hà Nội	Toán	Giảng Võ
4	240082	Trần Thế	Phúc	Nam	6	11	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Hoàng Hoa Thám
5	240083	Đoàn Đình Anh	Quân	Nam	5	6	2010	9A0	Hà Nội	Toán	Thăng Long
6	240084	Hoàng Anh	Quân	Nam	20	4	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Hoàng Hoa Thám
7	240085	Bùi Thịnh	Quang	Nam	22	3	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Thành Công
8	240086	Đào Đức Trường	Son	Nam	9	9	2010	9C	Hà Nội	Toán	Thực Nghiệm KHGD
9	240087	Vũ Thái	Son	Nam	24	5	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Phan Chu Trinh
10	240088	Vũ Đức	Tài	Nam	22	2	2010	9A3	Hà Nội	Toán	Nguyễn Tri Phương
11	240089	Vũ Đình Minh	Tân	Nam	25	8	2011	8A2	Hà Nội	Toán	Giảng Võ
12	240090	Lưu Công	Thành	Nam	28	2	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Thành Công
13	240091	Đào Phương	Thảo	Nữ	29	11	2010	9A9	Hà Nội	Toán	Phan Chu Trinh
14	240092	Đinh Lê Hương	Thảo	Nữ	18	8	2010	9A2	Hà Nội	Toán	Thành Công
15	240093	Trần Phương	Thảo	Nữ	2	1	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Giảng Võ 2
16	240094	Bùi Quang Trung	Tín	Nam	13	2	2010	9E	Thái Bình	Toán	Thăng Long
17	240095	Lê Nguyễn Bảo	Trần	Nữ	21	4	2010	9D	Hà Nội	Toán	Thực Nghiệm KHGD
18	240096	Lê Thùy	Trang	Nữ	26	2	2010	9A6	Hà Nội	Toán	Thành Công
19	240097	Trần Hà	Trang	Nữ	21	9	2010	9A2	Hà Nội	Toán	Nguyễn Trãi
20	240098	Nguyễn Gia	Trí	Nam	1	6	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Giảng Võ 2
21	240099	Nguyễn Văn	Trọng	Nam	16	10	2010	9A6	Hà Nội	Toán	Phan Chu Trinh
22	240100	Bùi Nhật	Trung	Nam	29	7	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Nguyễn Trãi
23	240101	Nguyễn Đức	Trung	Nam	7	1	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Nguyễn Trãi
24	240102	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	30	12	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Phan Chu Trinh
25	240103	Nguyễn Lê	Tùng	Nam	1	1	2010	9A1	Hà Nội	Toán	Ba Đình
26	240104	Vũ Hoàng	Tùng	Nam	18	4	2010	9A4	Hà Nội	Toán	Giảng Võ
27	240105	Tạ Đức	Vinh	Nam	4	4	2010	9B	Hà Nội	Toán	Thăng Long

Danh sách có 27 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024

TRƯỞNG BAN COI THI



Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH

Phòng thi số: 05 - Môn thi: Ngữ văn

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240106	Đỗ Ngân	An	Nữ	24	12	2010	9A3	Hà Nội	Ngữ văn	Thăng Long
2	240107	Hoàng Thị Nguyên	An	Nữ	15	6	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
3	240108	Lê Chúc	An	Nữ	28	3	2010	9C	Hà Nội	Ngữ văn	Thăng Long
4	240109	Nguyễn Nhật	An	Nữ	19	10	2010	9A4	Hà Nội	Ngữ văn	Phan Chu Trinh
5	240110	Vương Thuý	An	Nữ	19	11	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Phan Chu Trinh
6	240111	Chu Ngọc Minh	Anh	Nữ	10	12	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Tri Phương
7	240112	Chu Thị Trâm	Anh	Nữ	16	11	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Phan Chu Trinh
8	240113	Đặng Quỳnh	Anh	Nữ	22	2	2010	9A11	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
9	240114	Đinh Bảo	Anh	Nữ	22	6	2010	9A3	Hà Nội	Ngữ văn	Mạc Đĩnh Chi
10	240115	Đỗ Hải	Anh	Nữ	20	6	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Phúc Xá
11	240116	Dương Kiều	Anh	Nữ	28	2	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
12	240117	Dương Phương	Anh	Nữ	12	4	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Trãi
13	240118	Hà Bảo Anh	Anh	Nữ	30	7	2010	9A5	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Trãi
14	240119	Lê Thị Hiền	Anh	Nữ	31	1	2010	9A9	Hà Nội	Ngữ văn	Phan Chu Trinh
15	240120	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	9	2	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
16	240121	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	1	8	2010	9A3	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Công Trứ
17	240122	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	10	11	2010	9A3	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Trãi
18	240123	Nguyễn Tâm	Anh	Nữ	17	6	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Thành Công
19	240124	Phạm Hiền	Anh	Nữ	2	6	2010	9B	Hà Nội	Ngữ văn	Thực Nghiệm KHGD
20	240125	Phí Thùy	Anh	Nữ	5	9	2010	9A3	Hà Nội	Ngữ văn	Mạc Đĩnh Chi
21	240126	Tổng Diệp	Anh	Nữ	24	11	2010	9A4	Hà Nội	Ngữ văn	Ba Đình
22	240127	Trần Bảo	Anh	Nữ	21	2	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Phan Chu Trinh
23	240128	Trịnh Phương	Anh	Nữ	25	8	2010	9A3	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
24	240129	Vũ Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	20	1	2010	9A1	Thái Bình	Ngữ văn	Thành Công
25	240130	Vũ Tuấn	Anh	Nam	18	4	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Tri Phương
26	240131	Đặng Thị Ngọc	Anh	Nữ	12	10	2010	9A3	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
27	240132	Hoàng Thục	Anh	Nữ	1	11	2010	9A6	Hà Nội	Ngữ văn	Phan Chu Trinh

Danh sách có 27 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024

TRƯỞNG BAN COI THI



Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 06 - Môn thi: Ngữ văn

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240133	Phạm Thị Nguyệt	Ánh	Nữ	9	11	2010	9A2	Nam Định	Ngữ văn	Phúc Xá
2	240134	Đinh Đức	Cần	Nam	20	6	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ 2
3	240135	Phan Ngọc Minh	Châu	Nữ	2	5	2011	8A2	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ 2
4	240136	Nguyễn Khánh	Chi	Nữ	8	1	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Tri Phương
5	240137	Vũ Ngọc Hà	Chi	Nữ	22	9	2010	9A3	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ 2
6	240138	Trần Hải	Đăng	Nam	27	1	2010	9A1	Nam Định	Ngữ văn	Hoàng Hoa Thám
7	240139	Đỗ Vũ Trí	Dũng	Nam	27	11	2010	9A1	Thái Bình	Ngữ văn	Phan Chu Trinh
8	240140	Trần Thị Hải	Duyên	Nữ	29	12	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Thành Công
9	240141	Đinh Thị Hương	Giang	Nữ	21	5	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Thống Nhất
10	240142	Lê Hương	Giang	Nữ	15	12	2010	9A5	Hà Nội	Ngữ văn	Hoàng Hoa Thám
11	240143	Nguyễn Đàm Hương	Giang	Nữ	8	8	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Công Trứ
12	240144	Vũ Hương	Giang	Nữ	25	3	2010	9D	Hà Nội	Ngữ văn	Thăng Long
13	240145	Nguyễn Hoàng Khánh	Hà	Nữ	23	3	2011	8A2	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ 2
14	240146	Nguyễn Phạm Ngân	Hà	Nữ	9	8	2010	9A7	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
15	240147	Trần Ngọc	Hà	Nữ	23	3	2010	9A8	Hà Nội	Ngữ văn	Phan Chu Trinh
16	240148	Vũ Minh	Hằng	Nữ	19	4	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
17	240149	Văn Hà	Hương	Nữ	4	9	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
18	240150	Ngô Thu	Hường	Nữ	14	1	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Ba Đình
19	240151	Đào Quang	Huy	Nam	16	9	2010	9A0	Hà Nội	Ngữ văn	Thăng Long
20	240152	Nguyễn Đăng	Huy	Nam	27	4	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
21	240153	Cù Diệu	Huyền	Nữ	17	3	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Hoàng Hoa Thám
22	240154	Trần Khánh	Huyền	Nữ	30	5	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Ba Đình
23	240155	Đoàn An	Khanh	Nữ	27	12	2010	9A4	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
24	240156	Nguyễn Ngọc	Khánh	Nữ	10	9	2010	9A5	Hà Nội	Ngữ văn	Ba Đình
25	240157	Trần Ngân	Khánh	Nữ	16	5	2011	8A2	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
26	240158	Nguyễn Minh	Khuê	Nữ	20	11	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Tri Phương
27	240159	Nguyễn Ngọc	Khuê	Nữ	23	11	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Tri Phương

Danh sách có 27 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 07 - Môn thi: Ngữ văn

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240160	Nguyễn Tuệ	Lâm	Nữ	20	5	2010	9A5	CHLB Đức	Ngữ văn	Thành Công
2	240161	Đinh Bằng	Lăng	Nữ	2	5	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Phúc Xá
3	240162	Cao Hoàng Ngọc	Linh	Nữ	4	10	2010	9A7	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ 2
4	240163	Đỗ Trúc	Linh	Nữ	7	2	2010	9A3	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Công Trứ
5	240164	Dư Gia	Linh	Nữ	13	1	2010	9A5	Hà Nội	Ngữ văn	Phan Chu Trinh
6	240165	Lê Hiền	Linh	Nữ	16	5	2010	9B	Hà Nội	Ngữ văn	Thăng Long
7	240166	Lê Trúc	Linh	Nữ	17	11	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Phan Chu Trinh
8	240167	Ngô Phương	Linh	Nữ	1	10	2010	9A7	Nam Định	Ngữ văn	Giảng Võ 2
9	240168	Nguyễn Ngọc Bảo	Linh	Nữ	11	8	2011	8A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ 2
10	240169	Nguyễn Ngọc Hà	Linh	Nữ	23	2	2010	9A5	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Trãi
11	240170	Nguyễn Hà Ngọc	Linh	Nữ	29	11	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Hoàng Hoa Thám
12	240171	Nguyễn Hà	Linh	Nữ	12	7	2010	9A9	Hà Nội	Ngữ văn	Phan Chu Trinh
13	240172	Nguyễn Hoàng	Linh	Nữ	6	2	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Thống Nhất
14	240173	Phạm Hương	Ly	Nữ	26	6	2010	9A3	Hà Nội	Ngữ văn	Ba Đình
15	240174	Trương Ngọc	Ly	Nữ	10	8	2010	9C	Hà nội	Ngữ văn	Thực Nghiệm KHGD
16	240175	Nguyễn Quỳnh	Mai	Nữ	7	9	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Ba Đình
17	240176	Trần Thanh	Mai	Nữ	2	10	2010	9A7	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
18	240177	Nguyễn Ngọc	Minh	Nữ	2	10	2010	9A3	Hà Nội	Ngữ văn	Mạc Đình Chi
19	240178	Lê Hà	My	Nữ	19	2	2010	9A3	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ 2
20	240179	Nguyễn Phương	My	Nữ	31	12	2010	9A4	Hà Nội	Ngữ văn	Thành Công
21	240180	Lê Hạnh	Nga	Nữ	18	8	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Ba Đình
22	240181	Hoàng Bảo	Ngân	Nữ	22	2	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ 2
23	240182	Đào Nguyên Yến	Ngọc	Nữ	11	11	2010	9A6	Hà Nội	Ngữ văn	Phan Chu Trinh
24	240183	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	1	11	2010	9D	Hà Nội	Ngữ văn	Thăng Long
25	240184	Nguyễn Khánh	Ngọc	Nữ	25	6	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Thành Công
26	240185	Phan Hoàng Diệp	Nguyên	Nữ	1	10	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
27	240186	Đoàn Hạnh	Nhi	Nữ	5	9	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ

Danh sách có 27 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI
Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 08 - Môn thi: Ngữ văn

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240187	Lê Huyền	Phuong	Nữ	20	8	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Trãi
2	240188	Lê Nam	Phuong	Nữ	15	5	2010	9D	Hà Nội	Ngữ văn	Thực Nghiệm KHGD
3	240189	Nguyễn Lan	Phuong	Nữ	22	7	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Công Trứ
4	240190	Đỗ Bảo	Quyên	Nữ	18	1	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
5	240191	Nguyễn Đồng Minh	Tâm	Nữ	17	9	2010	9A6	Hà Nội	Ngữ văn	Thăng Long
6	240192	Lê Diệu	Thảo	Nữ	13	6	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Thống Nhất
7	240193	Lê Minh	Thư	Nữ	19	1	2010	9A0	Hà Nội	Ngữ văn	Thăng Long
8	240194	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	10	7	2010	9A5	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Tri Phương
9	240195	Phan Thanh	Thùy	Nữ	7	2	2010	9A5	Hà Nội	Ngữ văn	Thăng Long
10	240196	Đào Thùy	Tiên	Nữ	23	4	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Tri Phương
11	240197	Ngô Thùy	Tiên	Nữ	27	1	2010	9A6	Hà Nội	Ngữ văn	Thăng Long
12	240198	Trần Cao	Tiến	Nam	24	4	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Tri Phương
13	240199	Đỗ Hoàng Bảo	Trâm	Nữ	19	7	2010	9A5	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
14	240200	Bùi Minh	Trang	Nữ	3	6	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Công Trứ
15	240201	Lê Hà Bảo	Trang	Nữ	21	3	2011	8A2	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ 2
16	240202	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	7	9	2010	9A7	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ 2
17	240203	Trần Huyền	Trang	Nữ	4	9	2010	9A4	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Công Trứ
18	240204	Nguyễn Ngân	Trúc	Nữ	25	10	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Ba Đình
19	240205	Hoàng Tường	Vân	Nữ	17	11	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Thành Công
20	240206	Vi Nguyễn Tường	Vân	Nữ	1	11	2010	9A3	Hà Nội	Ngữ văn	Nguyễn Tri Phương
21	240207	Hoàng Tường	Vi	Nữ	17	11	2010	9A2	Hà Nội	Ngữ văn	Thành Công
22	240208	Nguyễn Như Bảo	Vy	Nữ	16	1	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Thành Công
23	240209	Nguyễn Hà	Vy	Nữ	15	10	2010	9A6	Hà Nội	Ngữ văn	Phan Chu Trinh
24	240210	Nguyễn Lê	Vy	Nữ	16	8	2010	9B	Hà Nội	Ngữ văn	Thăng Long
25	240211	Phạm Phương	Vy	Nữ	18	7	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Hoàng Hoa Thám
26	240212	Trần Khánh	Vy	Nữ	27	10	2010	9A11	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ
27	240213	Hoàng Diên	Vỹ	Nữ	7	5	2010	9C	Hà Nội	Ngữ văn	Thực Nghiệm KHGD

Danh sách có 27 thí sinh./



Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024

TRƯỞNG BAN COI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH

Phòng thi số: 09 - Môn thi: KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240214	Bùi Thiên	An	Nam	10	10	2011	8A3	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
2	240215	Nguyễn Công Quốc	An	Nam	2	5	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
3	240216	Nguyễn Tô Thanh	An	Nữ	18	2	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Phúc Xá
4	240217	Nguyễn Hiền	Anh	Nữ	5	3	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Ba Đình
5	240218	Phạm Tuệ	Anh	Nữ	10	3	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Thành Công
6	240219	Trần Bảo	Anh	Nam	17	3	2010	9C	Hà Nội	KHTN	Thực Nghiệm KHGD
7	240220	Trần Duy	Anh	Nam	28	2	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
8	240221	Phan Phương	Chi	Nữ	5	12	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Thành Công
9	240222	Lê Minh	Dũng	Nam	11	12	2010	9D	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
10	240223	Nguyễn Tuấn	Dũng	Nam	20	9	2010	9A9	Hà Nội	KHTN	Thành Công
11	240224	Nguyễn Thái	Dương	Nam	22	6	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
12	240225	Phan Đức	Dương	Nam	19	5	2010	9A10	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
13	240226	Hà Bảo	Duy	Nam	16	6	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Ba Đình
14	240227	Vũ Bình Chí	Gia	Nam	9	2	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Ba Đình
15	240228	Đỗ Trần Nguyệt	Hà	Nữ	8	5	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
16	240229	Lại Hoàng	Hải	Nam	25	5	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
17	240230	Trần Sơn	Hải	Nam	28	5	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
18	240231	Lê Bảo	Hân	Nữ	15	10	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
19	240232	Lê Gia	Hiền	Nam	4	3	2010	9A1	Thanh Hóa	KHTN	Giảng Võ 2
20	240233	Trần Minh	Hiếu	Nam	10	9	2010	9A8	CH Áo	KHTN	Giảng Võ
21	240234	Lê Việt	Hoàng	Nam	13	9	2010	9A6	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
22	240235	Đào Nguyên	Hung	Nam	7	12	2010	9C	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
23	240236	Đỗ Quốc	Hung	Nam	10	7	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
24	240237	Nguyễn Đỗ	Hung	Nam	3	8	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Hoàng Hoa Thám
25	240238	Phan Mạnh	Hung	Nam	19	2	2010	9A5	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Tri Phương

Danh sách có 25 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024

TRƯỞNG BAN COI THI



Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH

Phòng thi số: 10 - Môn thi: KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm ,	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240239	Hồ Gia	Huy	Nam	7	3	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
2	240240	Trần Đức	Huy	Nam	20	11	2010	9P	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
3	240241	Khổng Hoàng	Khải	Nam	5	11	2010	9D	Hà Nội	KHTN	Thực Nghiệm KHGD
4	240242	Chu Hà Gia	Khánh	Nam	4	1	2010	9A10	CH Pháp	KHTN	Giảng Võ
5	240243	Trần Gia	Khánh	Nam	22	2	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Thành Công
6	240244	Trương Bảo	Khánh	Nam	24	11	2010	9A9	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
7	240245	Nguyễn Gia	Khiêm	Nam	27	8	2011	8A3	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
8	240246	Trần Tường	Lam	Nữ	6	10	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Ba Đình
9	240247	Lê Hoàng	Lâm	Nam	21	12	2010	9A6	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
10	240248	Hoàng Hà	Linh	Nữ	2	12	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
11	240249	Nguyễn Ngọc Hà	Linh	Nữ	2	5	2011	8A7	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
12	240250	Vương Gia Bảo	Linh	Nữ	24	3	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Thành Công
13	240251	Nguyễn Công	Linh	Nam	29	3	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Tri Phương
14	240252	Phạm Vũ	Lộc	Nam	17	3	2010	9A1	Hải Phòng	KHTN	Phan Chu Trinh
15	240253	Nguyễn Văn Bảo	Long	Nam	28	11	2010	9A7	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
16	240254	Chu Hiểu	Minh	Nam	11	9	2010	9D	Hà Nội	KHTN	Thực Nghiệm KHGD
17	240255	Đinh Đức	Minh	Nam	22	6	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Trãi
18	240256	Dương Tuấn	Minh	Nam	26	4	2020	9A7	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
19	240257	Nguyễn Đỗ	Minh	Nam	31	3	2010	9E	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
20	240258	Nguyễn Hiền	Minh	Nữ	8	8	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Thống Nhất
21	240259	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	31	5	2010	9A5	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
22	240260	Nguyễn Phương	Minh	Nữ	4	12	2011	8A9	Vĩnh Phúc	KHTN	Giảng Võ
23	240261	Nguyễn Thái	Minh	Nam	6	6	2010	9A6	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
24	240262	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	10	4	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
25	240263	Phạm Phú	Minh	Nam	31	1	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ

Danh sách có 25 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH

Phòng thi số: 11 - Môn thi: KHTN (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240264	Trần Đức	Minh	Nam	28	1	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
2	240265	Vũ Thái Huyền	My	Nữ	30	12	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
3	240266	Lương Minh	Nam	Nam	11	12	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
4	240267	Nguyễn Kim	Nam	Nam	3	9	2010	9A9	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
5	240268	Trần Bảo	Nam	Nam	16	5	2011	8A2	Hà nội	KHTN	Giảng Võ
6	240269	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	6	9	2010	9A0	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
7	240270	Nguyễn Đình Phúc	Nguyễn	Nam	1	6	2010	9A0	TP HCM	KHTN	Thăng Long
8	240271	Phạm Trung	Nguyễn	Nam	26	6	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Phúc Xá
9	240272	Vũ Lê	Nguyễn	Nam	16	9	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
10	240273	Nguyễn Thị Dung	Nhi	Nữ	31	5	2010	9A2	Nam Định	KHTN	Nguyễn Trãi
11	240274	Hoàng Vũ	Phong	Nam	1	12	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Trãi
12	240275	Hoàng Gia	Phúc	Nam	8	7	2011	8A2	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
13	240276	Đinh Bùi Lâm	Phuong	Nữ	30	6	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Tri Phương
14	240277	Nguyễn Hà	Phuong	Nữ	19	1	2010	9A6	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
15	240278	Trần Sơn	Quân	Nam	2	8	2010	9A2	Nghệ An	KHTN	Hoàng Hoa Thám
16	240279	Nguyễn Đức	Quang	Nam	22	7	2010	9A	Hà Nội	KHTN	Thực Nghiệm KHGD
17	240280	Nguyễn Như Lâm	Sơn	Nam	16	2	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Hoàng Hoa Thám
18	240281	Phạm Xuân	Sơn	Nam	19	12	2010	9A5	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
19	240282	Hán Anh	Thái	Nam	7	11	2011	8A3	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
20	240283	Đỗ Thanh	Thảo	Nữ	30	5	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Thành Công
21	240284	Nguyễn Hoàng	Trúc	Nữ	1	5	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Ba Đình
22	240285	Nguyễn Hữu	Trung	Nam	30	5	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Thành Công
23	240286	Nguyễn Cảnh	Tú	Nam	15	3	2010	9A7	Hà Nội	KHTN	Thành Công
24	240287	Hoàng Xuân	Tùng	Nam	1	3	2010	9A1	Thanh Hóa	KHTN	Giảng Võ 2
25	240288	Trần Hà	Vũ	Nam	27	10	2010	9A0	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
26	240289	Vương Hải	Yến	Nữ	19	10	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Trãi

Danh sách có 26 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN CỎI THI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH

Phòng thi số: 12 - Môn thi: KHTN (Chất và sự biến đổi của chất)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240290	Lại Thái	An	Nữ	5	2	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Thành Công
2	240291	Nguyễn Minh Hà	An	Nữ	18	10	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
3	240292	Nguyễn Phú	An	Nam	30	4	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Trãi
4	240293	Đặng Lâm	Anh	Nam	20	8	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
5	240294	Đặng Minh	Anh	Nữ	13	9	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Ba Đình
6	240295	Lưu Nguyễn Hoài	Anh	Nữ	22	3	2010	9C	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
7	240296	Nguyễn Huy	Anh	Nam	26	3	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
8	240297	Phạm Tuấn	Anh	Nam	26	12	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
9	240298	Vũ Minh	Anh	Nữ	14	5	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
10	240299	Lê Hoàng	Bách	Nam	9	1	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
11	240300	Lê Gia	Bảo	Nam	14	9	2011	8A2	Hà Nội	KHTN	Thành Công
12	240301	Ngô Gia	Bảo	Nam	10	5	2011	8A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
13	240302	Nguyễn Ngọc	Bảo	nam	3	11	2010	9A5	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Trãi
14	240303	Nguyễn Tiến	Bình	Nam	24	2	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
15	240304	Đàm Linh	Đan	Nữ	18	5	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Mạc Đình Chi
16	240305	Phạm Văn Tuấn	Đăng	Nam	6	10	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Trãi
17	240306	Bùi Ngọc	Đạt	Nam	25	12	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Công Trứ
18	240307	Trần Đoàn Tâm	Đức	Nam	22	4	2010	9A6	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
19	240308	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	23	12	2010	9A7	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
20	240309	Phạm Khánh	Duy	Nam	19	8	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Tri Phương
21	240310	Khổng Minh	Giang	Nam	24	9	2010	9A7	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
22	240311	Nguyễn Linh	Giang	Nữ	4	9	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
23	240312	Trần Hương	Giang	Nữ	1	8	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
24	240313	Nguyễn Thanh	Hà	Nữ	16	4	2010	9A10	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
25	240314	Vũ Ngân	Hà	Nữ	14	11	2010	9A5	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
26	240315	Phạm Bảo	Hân	Nữ	18	1	2010	9A10	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ

Danh sách có 26 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN CỎI THI
PHÒNG
GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO
Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH

Phòng thi số: 13 - Môn thi: KHTN (Chất và sự biến đổi của chất)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240316	Đậu Công Thế	Hiền	Nam	14	4	2010	9C	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
2	240317	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	29	4	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Ba Đình
3	240318	Nguyễn Lê	Hoàng	Nam	14	8	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
4	240319	Lê Hoàng	Hùng	Nam	10	5	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
5	240320	Đoàn Xuân	Hưng	Nam	9	3	2011	8A6	Hà Nội	KHTN	Thành Công
6	240321	Lý Bá	Huy	Nam	6	1	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Thống Nhất
7	240322	Vũ An	Khánh	Nam	9	1	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Mạc Đĩnh Chi
8	240323	Trần Gia	Khiêm	Nam	9	10	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
9	240324	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	3	6	2011	8A2	Thái Bình	KHTN	Giảng Võ
10	240325	Phan Vũ Đăng	Khoa	Nam	12	10	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
11	240326	Vũ Kiến	Khoa	Nam	30	1	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Mạc Đĩnh Chi
12	240327	Phạm Thiện	Khôi	Nam	8	3	2011	8A2	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
13	240328	Nguyễn Đức	Kiên	Nam	14	10	2010	9D	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
14	240329	Trần Tuấn	Kiệt	Nam	10	12	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Thành Công
15	240330	Nguyễn Hà	Linh	Nữ	19	5	2010	9D	Hà Nội	KHTN	Thực Nghiệm KHGD
16	240331	Phạm Phương	Linh	Nữ	30	12	2010	9A	Hà Nội	KHTN	Thực Nghiệm KHGD
17	240332	Trần Thị Đan	Linh	Nữ	16	2	2010	9A6	Hà Nội	KHTN	Thành Công
18	240333	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	9	4	2010	9A9	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
19	240334	Bùi Quang	Minh	Nam	2	4	2010	9A5	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
20	240335	Hoàng Nhật	Minh	Nam	22	2	2010	9C	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
21	240336	Ngô Nhật	Minh	Nam	10	2	2010	9B	Hà Nội	KHTN	Thực Nghiệm KHGD
22	240337	Nguyễn Duy Bình	Minh	Nam	4	6	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
23	240338	Nguyễn Thu Huệ	Minh	Nữ	6	8	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Tri Phương
24	240339	Trần Đức	Minh	Nam	24	3	2010	9B	Hà Nội	KHTN	Thực Nghiệm KHGD
25	240340	Trần Lê	Minh	Nam	9	2	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
26	240341	Trần	Minh	Nữ	9	7	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Ba Đình

Danh sách có 26 thí sinh./.

Bà Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN CỎI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH

Phòng thi số: 14 - Môn thi: KHTN (Chất và sự biến đổi của chất)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240342	Trần Quang	Minh	Nam	26	5	2011	8A1	Nam Định	KHTN	Giảng Võ 2
2	240343	Đào Minh	Ngọc	Nữ	4	7	2010	9A8	Hà Nội	KHTN	Ba Đình
3	240344	Hoàng Đăng	Nguyên	Nam	25	7	2011	8A2	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
4	240345	Hoàng Minh	Nguyên	Nam	26	6	2010	9A6	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
5	240346	Nguyễn Khởi	Nguyên	Nam	26	7	2010	9A7	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
6	240347	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	25	10	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
7	240348	Chu Nam	Phong	Nam	7	9	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Tri Phương
8	240349	Nguyễn Trần Minh	Phong	Nam	1	1	2010	9A0	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
9	240350	Phạm Đình	Phong	Nam	5	1	2011	8A3	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
10	240351	Ngô Minh	Phúc	Nam	7	8	2010	9A9	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
11	240352	Vũ Hồng	Phúc	Nam	10	3	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
12	240353	Hoàng Hà	Phuong	Nữ	17	4	2011	8A2	Hà Nội	KHTN	Thành Công
13	240354	Lê Hà	Phuong	Nữ	27	9	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
14	240355	Nguyễn Hà	Phuong	Nữ	10	10	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
15	240356	Trịnh Lữ Tố	Quyên	Nữ	11	11	2010	9A10	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
16	240357	Trần Hà	Son	Nam	25	1	2011	8A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
17	240358	Trần Thế	Son	Nam	9	1	2010	9A8	Hà Nội	KHTN	Thành Công
18	240359	Vũ Xuân	Thái	Nam	19	10	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Hoàng Hoa Thám
19	240360	Trần Minh	Thành	Nam	15	5	2011	8A8	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Công Trứ
20	240361	Dương Ngọc	Thúy	Nữ	18	1	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Trãi
21	240362	Đỗ Trần Bảo	Trần	Nữ	8	5	2011	8A2	Hà Nội	KHTN	Thành Công
22	240363	Nguyễn Bảo	Trần	Nữ	17	6	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Trãi
23	240364	Ngô Minh	Trang	Nữ	23	4	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
24	240365	Phạm Như Anh	Trúc	Nữ	11	2	2010	9A2	Thái Bình	KHTN	Hoàng Hoa Thám
25	240366	Nguyễn Việt	Tuấn	Nam	10	2	2010	9A10	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
26	240367	Nguyễn Chí Minh	Vũ	Nam	13	12	2011	8A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2

Danh sách có 26 thí sinh./

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI
Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 15 - Môn thi: KHTN (Vật sống)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240368	Mai Thị Chúc	An	Nữ	10	8	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
2	240369	Trần Khánh	An	Nam	6	7	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Hoàng Hoa Thám
3	240370	Bùi Trần Diệp	Anh	Nữ	1	12	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Ba Đình
4	240371	Nguyễn Hà Minh	Anh	Nữ	19	4	2011	8A3	Hà Nội	KHTN	Thành Công
5	240372	Phạm Xuân	Anh	Nam	12	3	2011	8A3	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
6	240373	Trần Duy	Anh	Nam	21	3	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Công Trứ
7	240374	Trần Minh	Anh	Nữ	22	5	2010	9A5	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
8	240375	Trương Diệp	Anh	Nữ	11	7	2010	9A9	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
9	240376	Phùng Kim	Bằng	Nam	10	11	2011	8A0	Quảng Ninh	KHTN	Thăng Long
10	240377	Phạm Nguyễn Gia	Bảo	Nam	9	7	2011	8A1	Hà Nội	KHTN	Thành Công
11	240378	Nghiêm Bảo	Châu	Nữ	16	7	2010	9D	Hà Nội	KHTN	Thực Nghiệm KHGD
12	240379	Nguyễn Bảo Minh	Châu	Nữ	14	3	2011	8A9	Hà Nội	KHTN	Thành Công
13	240380	Đỗ Hà	Chi	Nữ	16	5	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Ba Đình
14	240381	Lê Ngọc Linh	Chi	Nữ	13	1	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
15	240382	Nguyễn Mai	Chi	Nữ	19	2	2010	9A5	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
16	240383	Nông Việt Tiến	Đạt	Nam	24	10	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Ba Đình
17	240384	Ngô Hoàng Minh	Đức	Nam	8	10	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
18	240385	Lê Chí	Dũng	Nam	27	11	2011	8A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
19	240386	Phạm Quang	Dũng	Nam	10	1	2011	8A1	Hà Nội	KHTN	Thành Công
20	240387	Đỗ Thùy	Dương	Nữ	25	4	2010	9A8	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
21	240388	Lâm Thùy	Dương	Nữ	14	4	2010	9A8	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ

Danh sách có 21 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 16 - Môn thi: KHTN (Vật sống)

Họ và tên CBCT1:.....
Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký
Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240389	Hoàng Hương	Giang	Nữ	20	9	2011	8A4	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
2	240390	Phạm Nguyễn Ngân	Hà	Nữ	21	2	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
3	240391	Dương Gia	Hân	Nữ	10	1	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Tri Phương
4	240392	Lê Duy	Hiếu	Nam	23	12	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
5	240393	Nguyễn Hữu	Huy	Nam	22	1	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
6	240394	Vũ Gia	Huy	Nam	2	7	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Hoàng Hoa Thám
7	240395	Trần Khánh	Huyền	Nữ	20	3	2011	8A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
8	240396	Hoàng An	Khang	Nam	14	11	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
9	240397	Trương An	Khánh	Nam	7	2	2010	9D	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
10	240398	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	16	1	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Mạc Đĩnh Chi
11	240399	Nguyễn Quang	Khôi	Nam	24	7	2010	9A10	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
12	240400	Nguyễn Tuấn	Khôi	Nam	23	11	2011	8A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
13	240401	Trương Tuấn	Khôi	Nam	24	6	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Thống Nhất
14	240402	Cao Phúc	Kiên	Nam	25	2	2011	8A1	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
15	240403	Nguyễn Anh	Kiệt	Nam	8	2	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Mạc Đĩnh Chi
16	240404	Hoàng Khải	Lâm	Nam	17	10	2010	9A6	Hải Phòng	KHTN	Thăng Long
17	240405	Nguyễn Thái	Lâm	Nam	15	3	2010	9A0	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
18	240406	Nguyễn Gia	Linh	Nữ	17	10	2010	9A11	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
19	240407	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	15	1	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
20	240408	Nguyễn Phương	Linh	Nữ	3	3	2011	8A1	Hà Nội	KHTN	Thành Công
21	240409	Phạm Bảo	Long	Nam	20	12	2011	8A4	Hà Nội	KHTN	Thăng Long

Danh sách có 21 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 17 - Môn thi: KHTN (Vật sống)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240410	Đào Ngọc	Mai	Nữ	16	11	2010	9A8	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
2	240411	Phùng Phương	Mai	Nữ	22	1	2010	9A1	TP HCM	KHTN	Giảng Võ
3	240412	Đinh Nguyễn Tuệ	Minh	Nữ	1	8	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
4	240413	Doãn Bình	Minh	Nam	30	5	2011	8A0	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
5	240414	Lê Tuấn	Minh	Nam	11	5	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
6	240415	Nguyễn Đức	Minh	Nam	28	7	2011	8A1	Hà Nội	KHTN	Thành Công
7	240416	Nguyễn Đức	Minh	Nam	16	2	2011	8A0	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
8	240417	Nguyễn Quang	Minh	Nam	19	2	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Hoàng Hoa Thám
9	240418	Trần Đức Hoàng	Minh	Nam	13	4	2010	9A7	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
10	240419	Hà Thùy	My	Nữ	2	9	2010	9C	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
11	240420	Nguyễn Phương	Nga	Nữ	7	10	2011	8A1	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
12	240421	Nguyễn Bảo	Ngân	Nữ	11	12	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Mạc Đình Chi
13	240422	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	2	9	2010	9A7	Thái Nguyên	KHTN	Giảng Võ 2
14	240423	Tạ Ánh	Ngọc	Nữ	29	4	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Tri Phương
15	240424	Nguyễn Phúc	Nguyễn	Nam	18	4	2011	8A1	Hưng Yên	KHTN	Thành Công
16	240425	Lê Ánh	Nguyệt	Nữ	7	1	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Mạc Đình Chi
17	240426	Lưu Yến	Nhi	Nữ	17	9	2011	8A3	Hà Nội	KHTN	Thành Công
18	240427	Nguyễn Hà Hạnh	Nhi	Nữ	15	2	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Tri Phương
19	240428	Phạm Xuân	Nhi	Nữ	30	12	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Ba Đình
20	240429	Trần Tuấn	Phong	Nam	9	4	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
21	240430	Cao Huy	Phúc	Nam	23	3	2011	8A1	Bắc Ninh	KHTN	Thành Công

Danh sách có 21 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Ba Đình - T.P.
Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 18 - Môn thi: KHTN (Vật sống)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240431	Phó Minh	Phuong	Nữ	18	4	2010	9A5	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Trãi
2	240432	Trần Lan	Phuong	Nữ	11	3	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
3	240433	Phan Thế	Quân	Nam	4	11	2010	9A0	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
4	240434	Đỗ Minh	Quang	Nam	24	5	2010	9A4	Bắc Ninh	KHTN	Mạc Đình Chi
5	240435	Dương Nhật	Quang	Nam	2	9	2010	9D	Hà Nội	KHTN	Thăng Long
6	240436	Nguyễn Minh	Quang	Nam	12	3	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Hoàng Hoa Thám
7	240437	Trịnh Ngọc Trúc	Quỳnh	Nữ	19	3	2010	9A5	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Trãi
8	240438	Vũ Diễm	Quỳnh	Nữ	12	1	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
9	240439	Nguyễn Danh	Thái	Nam	13	4	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Ba Đình
10	240440	Trần Vũ Phương	Thảo	Nữ	16	7	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Thống Nhất
11	240441	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	28	3	2010	9A2	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
12	240442	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	12	11	2011	8A7	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
13	240443	Nguyễn Hà	Trang	Nữ	17	2	2010	9A5	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
14	240444	Vũ Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	27	10	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Tri Phương
15	240445	Nguyễn Đình	Trung	nam	6	2	2011	8A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ 2
16	240446	Bùi Hoàng	Tú	Nữ	30	6	2010	9A4	Hà Nội	KHTN	Giảng Võ
17	240447	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	Nữ	29	6	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Phan Chu Trinh
18	240448	Trần Mỹ	Uyên	Nữ	23	2	2010	9A1	Hà Nội	KHTN	Ba Đình
19	240449	Lê Khánh	Vân	Nữ	3	1	2010	9A5	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Trãi
20	240450	Trần Hà	Vũ	Nam	15	10	2010	9A3	Hà Nội	KHTN	Nguyễn Công Trứ

Danh sách có 20 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN CỎI THI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH

Phòng thi số: 19 - Môn thi: Lịch sử và Địa lý (Lịch sử)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Nội dung thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240451	Đinh Thái	An	Nữ	14	3	2010	9A1	Hà Nội	Lịch sử	Vinschool Metropolis
2	240452	Nguyễn Đức Bảo	An	Nam	19	4	2010	9A2	Hà Nội	Lịch sử	Nguyễn Công Trứ
3	240453	Nguyễn Khánh	An	Nữ	15	7	2010	9A5	Hà Nội	Lịch sử	Phan Chu Trinh
4	240454	Đỗ Bảo	Anh	Nữ	30	1	2010	9A4	Hà Nội	Lịch sử	Mạc Đình Chi
5	240455	Lê Duy	Anh	Nam	1	10	2010	9D	Hà Nội	Lịch sử	Thực Nghiệm KHGD
6	240456	Lê Lâm	Anh	Nam	29	12	2010	9A8	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
7	240457	Lương Thế	Anh	Nam	29	7	2011	8A1	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
8	240458	Nghiêm Đức Duy	Anh	Nam	6	2	2010	9A1	Hà Nội	Lịch sử	THCS Phúc Xá
9	240459	Nguyễn Châu	Anh	Nữ	6	8	2010	9A3	Hà Nội	Lịch sử	Vinschool Metropolis
10	240460	Nguyễn Hà	Anh	Nữ	19	5	2010	9A3	Hà Nội	Lịch sử	Thành Công
11	240461	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	2	11	2010	9A2	Hà Nội	Lịch sử	Nguyễn Trãi
12	240462	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	19	6	2010	9A4	Hà Nội	Lịch sử	Thành Công
13	240463	Nguyễn Tiến	Anh	Nam	16	3	2010	9A3	Hà Nội	Lịch sử	Nguyễn Tri Phương
14	240464	Trần Đức	Anh	Nam	12	12	2011	8A9	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
15	240465	Trần Ngân	Anh	Nữ	26	12	2010	9A4	Hà Nội	Lịch sử	Mạc Đình Chi
16	240466	Trần Phan	Anh	Nam	2	8	2010	9A2	Hà Nội	Lịch sử	Nguyễn Công Trứ
17	240467	Vũ Mai	Anh	Nữ	9	11	2010	9A2	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
18	240468	Vũ Thục	Anh	Nữ	7	7	2011	8A1	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ 2
19	240469	Nguyễn Gia	Bách	Nam	25	5	2010	9A4	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
20	240470	Nguyễn Quang	Bách	Nam	10	10	2011	8A5	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
21	240471	Trần Gia	Bách	Nam	2	11	2010	9A2	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
22	240472	Vũ Gia	Bách	Nam	11	11	2010	9A5	Hà Nội	Lịch sử	Nguyễn Trãi
23	240473	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	20	7	2010	9A3	Hà Nội	Lịch sử	Hoàng Hoa Thám
24	240474	Trần Ngọc	Bích	Nữ	16	3	2010	9A0	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
25	240475	Mai Thị Thanh	Bình	Nữ	20	6	2011	8A2	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ

Danh sách có 25 thí sinh./.

Bà Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN CỎI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH

Phòng thi số: 20 - Môn thi: Lịch sử và Địa lý (Lịch sử)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Nội dung thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240476	Ngô Ngọc Hòa	Bình	Nữ	21	10	2011	8A3	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
2	240477	Lại Bắc Hải	Châu	Nữ	31	3	2011	8A1	Australia	Lịch sử	Giảng Võ 2
3	240478	Lê Minh	Châu	Nữ	10	1	2010	9A6	Hà Nội	Lịch sử	Phan Chu Trinh
4	240479	Ngô Khánh	Chi	Nữ	27	7	2011	8A2	Hải Dương	Lịch sử	Giảng Võ
5	240480	Tổng Nguyễn Khánh	Chi	Nữ	14	1	2010	9A1	Hà Nội	Lịch sử	Nguyễn Tri Phương
6	240481	Vũ Ngọc Hà	Chi	Nữ	22	9	2010	9A3	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ 2
7	240482	Nguyễn Hữu Hoàng	Đạt	Nam	9	9	2010	9A7	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
8	240483	Lê Vũ Anh	Đức	Nam	6	9	2010	9A6	Hà Nội	Lịch sử	Phan Chu Trinh
9	240484	Nguyễn Tô Hạnh	Dung	Nữ	9	7	2010	9A3	Hà Nội	Lịch sử	Vinschool Metropolis
10	240485	Lê	Dũng	Nam	10	2	2011	8A9	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
11	240486	Nguyễn Thuỳ	Dương	Nữ	24	5	2011	8A5	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ 2
12	240487	Phạm Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	17	9	2011	8A2	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ 2
13	240488	Trần Hương	Giang	Nữ	9	1	2010	9A4	Hà Nội	Lịch sử	Mạc Đình Chi
14	240489	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	3	12	2011	8A3	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ 2
15	240490	Vũ Trần Bảo	Hân	Nữ	19	3	2010	9A3	Hà Nội	Lịch sử	Mạc Đình Chi
16	240491	Tạ Minh	Hiền	Nữ	13	7	2010	9A5	Hà Nội	Lịch sử	Phan Chu Trinh
17	240492	Ngô Gia	Huy	Nam	14	12	2010	9A10	Hà Nội	Lịch sử	Phan Chu Trinh
18	240493	Nguyễn Gia	Huy	Nam	8	4	2010	9A6	Tuyên Quang	Lịch sử	Thành Công
19	240494	Phạm Quang	Huy	Nam	29	5	2010	9A5	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
20	240495	Vũ Khánh	Huyền	Nữ	14	7	2010	9A1	Hà Nội	Lịch sử	THCS Phúc Xá
21	240496	Nguyễn An	Khánh	Nữ	22	12	2010	9A4	Hà Nội	Lịch sử	Thành Công
22	240497	Trần Gia	Khánh	Nam	12	7	2010	9A1	Hà Nội	Lịch sử	Hoàng Hoa Thám
23	240498	Hoàng	Khôi	Nam	7	11	2010	9A1	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
24	240499	Nguyễn Duy	Khôi	Nam	20	9	2010	9A1	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
25	240500	Tiết Nguyễn	Khôi	Nam	1	5	2010	9A3	Hà Nội	Lịch sử	Hoàng Hoa Thám

Danh sách có 25 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024

TRƯỞNG BAN CỎI THI



Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH

Phòng thi số: 21 - Môn thi: Lịch sử và Địa lý (Lịch sử)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Nội dung thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240501	Vũ Minh	Khôi	Nam	11	5	2011	8A5	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
2	240502	Dương Minh	Kiệt	Nam	15	8	2010	9A1	Hà Nội	Lịch sử	Thành Công
3	240503	Trịnh Trung	Lâm	Nam	30	9	2010	9B	Hà Nội	Lịch sử	Thực Nghiệm KHGD
4	240504	Đinh Bảo	Lan	Nữ	2	3	2011	8A5	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
5	240505	Lê Nguyễn Hoàng	Linh	Nữ	7	3	2010	9A2	Hà Nội	Lịch sử	Nguyễn Trãi
6	240506	Lê Thuý	Linh	Nữ	5	1	2010	9A6	Hà Nội	Lịch sử	Phan Chu Trinh
7	240507	Nguyễn Gia Bội	Linh	Nữ	6	9	2010	9A10	Hà Nội	Lịch sử	Phan Chu Trinh
8	240508	Nguyễn Hà	Linh	Nữ	11	6	2011	8A5	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
9	240509	Nguyễn Vũ Ngọc	Linh	Nữ	1	11	2010	9A3	Hải Dương	Lịch sử	Thành Công
10	240510	Nguyễn Yến	Linh	Nữ	15	11	2010	9B1	Hà Nội	Lịch sử	Vinschool Metropolis
11	240511	Trần Khánh	Linh	Nữ	20	8	2010	9C	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
12	240512	Trương Ngọc	Linh	Nữ	30	10	2010	9B2	Hà Nội	Lịch sử	Vinschool Metropolis
13	240513	Trần Lưu Vân	Ly	Nữ	21	8	2010	9B1	Hà Nội	Lịch sử	Vinschool Metropolis
14	240514	Nguyễn Thanh	Mai	Nữ	7	10	2010	9A7	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
15	240515	Đào Nguyễn Hào	Minh	Nữ	2	11	2010	9C	Hà Nội	Lịch sử	Thực Nghiệm KHGD
16	240516	Đỗ Bình	Minh	Nam	23	8	2010	9A2	Hà Nội	Lịch sử	THCS Phúc Xá
17	240517	Đỗ Tuấn	Minh	Nam	20	5	2010	9A	Hà Nội	Lịch sử	Thực Nghiệm KHGD
18	240518	Lê Phạm Bình	Minh	Nam	4	5	2011	8A1	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
19	240519	Phạm Ngọc	Minh	Nữ	13	1	2010	9A6	Hà Nội	Lịch sử	Phan Chu Trinh
20	240520	Tạ Quang	Minh	Nam	19	9	2010	9A3	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
21	240521	Bùi Đặng Trà	My	Nam	14	9	2010	9A2	Hà Nội	Lịch sử	Phan Chu Trinh
22	240522	Tạ Huyền	My	Nữ	5	8	2010	9A2	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
23	240523	Nguyễn	Nam	Nam	20	7	2010	9A6	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
24	240524	Phan Duy Hải	Nam	Nam	16	4	2010	9A8	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
25	240525	Nguyễn Phương	Nga	Nữ	11	6	2010	9A2	Hà Nội	Lịch sử	Phan Chu Trinh

Danh sách có 25 thí sinh./

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN CỎI THI
PHÒNG
GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO
Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH

Phòng thi số: 22 - Môn thi: Lịch sử và Địa lý (Lịch sử)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Nội dung thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240526	Bùi Phương Hà	Ngân	Nữ	12	12	2010	9B1	Hà Nội	Lịch sử	Vinschool Metropolis
2	240527	Đào Minh	Nghĩa	Nam	28	6	2010	9A3	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
3	240528	Đỗ Hà Minh	Ngọc	Nữ	8	9	2010	9A5	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
4	240529	Trần Hạo	Nguyên	Nam	6	11	2011	8A4	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ 2
5	240530	Đặng Dung	Nhi	Nữ	7	3	2010	9A5	Hà Nội	Lịch sử	Phan Chu Trinh
6	240531	Nguyễn Huy	Phong	Nam	17	7	2010	9A5	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
7	240532	Bùi Minh	Quang	Nam	21	9	2010	9A6	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ 2
8	240533	Nguyễn Tuệ	San	Nữ	1	10	2010	9A2	Hà Nội	Lịch sử	Thành Công
9	240534	Lê Nam	Sơn	Nam	30	7	2010	9A4	Hà Nội	Lịch sử	Nguyễn Trãi
10	240535	Nguyễn Đăng	Sơn	Nam	2	6	2010	9A5	Hà Nội	Lịch sử	Nguyễn Trãi
11	240536	Lê Minh	Thiên	Nam	2	4	2010	9B1	Hà Nội	Lịch sử	Vinschool Metropolis
12	240537	Trần Minh	Thư	Nữ	30	8	2010	9A7	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
13	240538	Mai Trọng	Thùy	Nam	31	5	2010	9A4	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
14	240539	Vũ Bảo	Trần	Nữ	1	3	2010	9A8	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ
15	240540	Đặng Minh	Trí	Nam	29	12	2010	9A6	Hà Nội	Lịch sử	Nguyễn Công Trứ
16	240541	Kiều Minh	Triết	Nam	20	5	2010	9A4	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ 2
17	240542	Đặng Anh	Tú	Nam	18	1	2010	9A5	Hà Nội	Lịch sử	Ba Đình
18	240543	Ngô Trọng	Tuệ	Nam	14	10	2010	9A1	Hà Nội	Lịch sử	Thống Nhất
19	240544	Nguyễn An Kiều	Vĩ	Nữ	20	2	2011	8A5	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ 2
20	240545	Phạm Vũ Đức	Việt	Nam	8	12	2010	9A3	Hà Nội	Lịch sử	Nguyễn Tri Phương
21	240546	Trần Quang Bảo	Vinh	Nam	23	9	2010	9A2	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
22	240547	Lê Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	4	8	2010	9A1	Hà Nội	Lịch sử	Thống Nhất
23	240548	Nguyễn Hoàng Minh	Vy	Nữ	22	9	2010	9A4	Hà Nội	Lịch sử	Thành Công
24	240549	Nguyễn Ngọc Cẩm	Vy	Nữ	13	3	2011	8A3	Hà Nội	Lịch sử	Thăng Long
25	240550	Phạm Khánh	Vy	Nữ	8	9	2010	9A6	Hà Nội	Lịch sử	Thành Công

Danh sách có 25 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH

Phòng thi số: 23 - Môn thi: Lịch sử và Địa lý (Địa lý)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Nội dung thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240551	Phạm Đức	An	Nam	21	10	2010	9D	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long
2	240552	Phạm Thị Như	An	Nữ	23	6	2011	8A6	Hà Nội	Địa lý	Thành Công
3	240553	Trần Đình	An	Nam	12	3	2010	9A3	Hà Nội	Địa lý	Vinschool Metropolis
4	240554	Bùi Diệu	Anh	Nữ	31	7	2010	9A7	Hà Nội	Địa lý	Thành Công
5	240555	Cao Bảo	Anh	Nữ	23	2	2010	9A4	Hà Nội	Địa lý	Mạc Đình Chi
6	240556	Đình Thục	Anh	Nữ	5	1	2010	9D	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long
7	240557	Lê Vũ Tú	Anh	Nữ	1	7	2010	9A5	Hà Nội	Địa lý	Nguyễn Công Trứ
8	240558	Nguyễn Huyền	Anh	Nữ	2	11	2010	9A2	Hà Nội	Địa lý	Nguyễn Trãi
9	240559	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	22	3	2010	9A2	Nam Định	Địa lý	Thống Nhất
10	240560	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	11	2	2010	9A3	Hà Nội	Địa lý	Hoàng Hoa Thám
11	240561	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	3	5	2010	9A0	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long
12	240562	Phạm Hoàng	Bách	Nam	1	2	2010	9C	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long
13	240563	Trần Xuân	Bách	Nam	27	5	2010	9A4	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ
14	240564	Nguyễn Hà	Chi	Nữ	5	7	2010	9A2	Hà Nội	Địa lý	Hoàng Hoa Thám
15	240565	Trần Yến	Chi	Nữ	1	7	2010	9A7	Hà Nội	Địa lý	Thành Công
16	240566	Hoàng Phan Minh	Đặng	Nam	2	6	2010	9A4	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ
17	240567	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	25	7	2011	8A1	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long
18	240568	Lê Thị Hồng	Dương	Nữ	7	12	2010	9A1	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long
19	240569	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	21	8	2010	9A0	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long
20	240570	Trần Linh	Giang	Nữ	20	8	2010	9D	Hà Nội	Địa lý	Thực Nghiệm KHGD

Danh sách có 20 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024

TRƯỞNG BAN COI THI



Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH

Phòng thi số: 24 - Môn thi: Lịch sử và Địa lý (Địa lý)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Nội dung thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240571	Trần Văn	Giang	nữ	15	12	2010	9A10	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ
2	240572	Mai Ngọc	Hà	Nữ	9	4	2010	9A4	Hà Nội	Địa lý	Thành Công
3	240573	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	21	1	2010	9A2	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ
4	240574	Trần Minh	Hà	Nữ	20	9	2010	9A4	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ
5	240575	Đỗ Ngọc Bảo	Hân	Nữ	12	10	2010	9A5	Hà Nội	Địa lý	Nguyễn Trãi
6	240576	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	26	3	2010	9A4	Hà Nội	Địa lý	Ba Đình
7	240577	Phan Thanh	Hiền	Nữ	5	3	2010	9A2	Hà Nội	Địa lý	Hoàng Hoa Thám
8	240578	Phạm Vũ	Hung	Nữ	16	12	2010	9D	Hà Nội	Địa lý	Thực Nghiệm KHGD
9	240579	Cồ Thanh	Huyền	Nữ	29	10	2010	9A5	Hà Nội	Địa lý	Ba Đình
10	240580	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	24	7	2010	9A9	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ
11	240581	Nguyễn Đức	Khang	Nam	19	05	2011	8A7	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ
12	240582	Nguyễn Ngọc Hà	Khanh	Nữ	21	4	2011	8A6	Hà Nội	Địa lý	Thành Công
13	240583	Hoàng Quốc	Khánh	Nam	4	3	2011	8A4	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ 2
14	240584	Nguyễn Phúc Ngân	Khánh	Nữ	31	1	2011	8A5	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ 2
15	240585	Nguyễn Vinh	Khánh	Nam	6	9	2011	8A1	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ 2
16	240586	Trần Vũ Ngân	Khánh	Nữ	27	9	2010	9A2	Hà Nội	Địa lý	Nguyễn Trãi
17	240587	Vũ Huy	Khánh	Nam	1	11	2010	9A4	Hà Nội	Địa lý	Thành Công
18	240588	Hoàng Bảo	Lâm	Nữ	5	1	2010	9A3	Hà Nội	Địa lý	Ba Đình
19	240589	Từ Tuệ	Lâm	Nữ	20	9	2010	9A8	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ
20	240590	Hàn Khánh	Linh	Nữ	21	12	2010	9A3	Hà Nội	Địa lý	Mạc Đĩnh Chi

Danh sách có 20 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN CỎI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH

Phòng thi số: 25 - Môn thi: Lịch sử và Địa lý (Địa lý)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Nội dung thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240591	Lê Bảo	Linh	Nữ	23	3	2010	9A4	Hà Nội	Địa lý	Mạc Đình Chi
2	240592	Lê Thảo	Linh	Nữ	1	7	2010	9B	Hà Nội	Địa lý	Thực Nghiệm KHGD
3	240593	Lê Trà	Linh	Nữ	19	11	2010	9A5	Hà Nội	Địa lý	Phan Chu Trinh
4	240594	Phạm Hương	Linh	Nữ	27	6	2010	9B1	Hà Nội	Địa lý	Vinschool Metropolis
5	240595	Phạm Phương	Linh	Nữ	31	10	2010	9A1	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long
6	240596	Vũ Mai	Linh	Nữ	28	1	2010	9A2	Hà Nội	Địa lý	Vinschool Metropolis
7	240597	Lê Phương	Mai	Nữ	1	12	2010	9A2	Hà Nội	Địa lý	Hoàng Hoa Thám
8	240598	Hồ Hoàng	Minh	Nam	8	3	2010	9A1	Hà Nội	Địa lý	Phúc Xá
9	240599	Nguyễn Đức Nhật	Minh	Nam	15	5	2010	9A3	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long
10	240600	Nguyễn Đức	Minh	Nam	11	6	2010	9A2	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long
11	240601	Nguyễn Vũ Quang	Minh	Nam	2	10	2010	9A2	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ 2
12	240602	Dương Quốc Bảo	Nam	Nam	13	7	2010	9A2	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ 2
13	240603	Nguyễn Bình	Nam	Nam	18	1	2010	9A2	Hà Nội	Địa lý	Thành Công
14	240604	Phạm Nhật	Nam	Nam	20	11	2010	9A1	Hà Nội	Địa lý	Nguyễn Tri Phương
15	240605	Đào Phương	Nga	Nữ	26	10	2010	9A9	Hà Nội	Địa lý	Thành Công
16	240606	Tạ Hằng	Nga	Nữ	29	1	2010	9C	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long
17	240607	Lê Minh	Ngọc	Nữ	16	4	2010	9A4	Hà Nội	Địa lý	Thành Công
18	240608	Nguyễn Cẩm	Ngọc	Nữ	18	11	2010	9A10	Quảng Ninh	Địa lý	Giảng Võ
19	240609	Nguyễn Lê Hương	Nhi	Nữ	27	5	2010	9A1	Hà Nội	Địa lý	Ba Đình
20	240610	Nguyễn Lê Uyên	Nhi	Nữ	23	2	2011	8A6	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long

Danh sách có 20 thí sinh./

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH

Phòng thi số: 26 - Môn thi: Lịch sử và Địa lý (Địa lý)

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Nội dung thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240611	Vũ Hải	Phong	Nam	24	9	2010	9A2	Hà Nội	Địa lý	Thống Nhất
2	240612	Nguyễn Lan	Phương	Nữ	25	4	2010	9A2	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ
3	240613	Tạ Hà	Phương	Nữ	24	10	2010	9A6	Hà Nội	Địa lý	Nguyễn Công Trứ
4	240614	Phạm Hải	Quân	Nam	26	2	2010	9A3	Hà Nội	Địa lý	Nguyễn Công Trứ
5	240615	Đào Minh	Quang	Nam	23	2	2010	9A1	Hà Nội	Địa lý	Vinschool Metropolis
6	240616	Nguyễn Tuệ	San	Nữ	23	7	2010	9A5	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long
7	240617	Trần Linh	Shan	Nữ	11	12	2010	9A6	Hà Nội	Địa lý	Nguyễn Công Trứ
8	240618	Nguyễn Bảo	Son	Nam	25	5	2010	9A5	Hà Nội	Địa lý	Nguyễn Trãi
9	240619	Nguyễn Xuân	Thành	Nam	25	1	2010	9A3	Hà Nội	Địa lý	Hoàng Hoa Thám
10	240620	Nguyễn Tuấn	Thịnh	Nam	18	11	2010	9A3	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ
11	240621	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23	2	2010	9A4	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long
12	240622	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	26	1	2010	9A5	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long
13	240623	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	6	7	2010	9A7	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ
14	240624	Nghiêm Bảo	Trần	Nữ	18	11	2010	9A3	Hà Nội	Địa lý	Nguyễn Trãi
15	240625	Nguyễn Huy	Tuấn	Nam	12	10	2010	9A9	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ
16	240626	Lưu Lâm	Uyên	Nữ	4	4	2010	9A0	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long
17	240627	Nguyễn Lâm	Uyên	Nữ	14	2	2011	8A2	Hà Nội	Địa lý	Giảng Võ 2
18	240628	Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	7	8	2010	9A5	Hà Nội	Địa lý	Nguyễn Tri Phương
19	240629	Nguyễn Khánh	Vi	Nữ	16	1	2010	9A1	Hà Nội	Địa lý	Ba Đình
20	240630	Phạm Duy Minh	Vũ	Nam	19	12	2010	9A6	Hà Nội	Địa lý	Phan Chu Trinh
21	240631	Đỗ Bảo	Yến	Nữ	4	7	2010	9C	Hà Nội	Địa lý	Thăng Long

Danh sách có 21 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024

TRƯỞNG BAN COI THI



Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 27 - Môn thi: GDCD

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240632	Cù Huyền	Anh	Nữ	24	12	2010	9A2	Hà Nội	GDCD	Thành Công
2	240633	Lê Hoàng Phương	Anh	Nữ	24	10	2011	8A1	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ 2
3	240634	Lê Huyền	Anh	Nữ	9	2	2010	9A2	Hà Nội	GDCD	Thành Công
4	240635	Ngô Trâm	Anh	Nữ	19	8	2011	8A1	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ 2
5	240636	Nguyễn Diệp	Anh	Nữ	05	12	2011	8A4	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ 2
6	240637	Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	8	11	2010	9D	Hà Nội	GDCD	Thăng Long
7	240638	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	19	11	2011	8A4	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ
8	240639	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	Nữ	15	3	2010	9A1	Hà Nội	GDCD	Ba Đình
9	240640	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	1	10	2010	9A5	Hà Nội	GDCD	Nguyễn Trãi
10	240641	Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	25	2	2010	9A2	Hà Nội	GDCD	Thành Công
11	240642	Nguyễn Vũ Hà	Anh	Nữ	21	10	2010	9A4	Hà Nội	GDCD	Hoàng Hoa Thám
12	240643	Phạm Bảo Minh	Anh	Nữ	18	5	2010	9A5	Hà Nội	GDCD	Nguyễn Tri Phương
13	240644	Phạm Tú	Anh	Nữ	6	9	2011	8A2	Hà Nội	GDCD	Thành Công
14	240645	Phan Trần Minh	Anh	Nữ	28	2	2010	9A2	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ 2
15	240646	Phùng Châu	Anh	Nữ	26	4	2011	8A4	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ
16	240647	Trần Châu	Anh	Nữ	10	10	2010	9A2	Hà Nội	GDCD	Nguyễn Tri Phương
17	240648	Vũ Hà Bảo	Anh	Nữ	12	7	2010	9A2	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ 2
18	240649	Đậu Minh	Châu	Nữ	9	1	2010	9A3	Hà Nội	GDCD	Nguyễn Tri Phương
19	240650	Nguyễn Bảo	Châu	Nữ	8	10	2010	9A2	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ 2
20	240651	Nguyễn Lê Bảo	Châu	Nữ	16	3	2011	8A1	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ
21	240652	Lương Khánh	Chi	Nữ	5	4	2011	8A1	Hà Nội	GDCD	Thăng Long
22	240653	Phạm Hà Khánh	Chi	Nữ	6	11	2010	9D	Hà Nội	GDCD	Thăng Long
23	240654	Phạm Khánh	Chi	Nữ	19	6	2010	9A4	Hà Nội	GDCD	Hoàng Hoa Thám
24	240655	Thạch Khả	Doanh	Nữ	1	9	2010	9D	Hà Nội	GDCD	Thực Nghiệm KHGD

Danh sách có 24 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 28 - Môn thi: GDCD

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240656	Nguyễn Thế Mạnh	Dũng	Nam	15	4	2010	9A5	Hà Nội	GDCD	Phan Chu Trinh
2	240657	Lê Hoàng Ánh	Dương	Nữ	28	5	2010	9A1	Hà Nội	GDCD	Hoàng Hoa Thám
3	240658	Nguyễn Cẩm	Dương	Nữ	26	11	2010	9A3	Hà Nội	GDCD	Nguyễn Tri Phương
4	240659	Nguyễn Thuỳ	Dương	Nữ	30	1	2010	9D	Hà Nội	GDCD	Thăng Long
5	240660	Lê Thu	Giang	Nữ	3	5	2010	9A6	Hà Nội	GDCD	Phan Chu Trinh
6	240661	Lương Hương	Giang	Nữ	30	12	2011	8A1	Hà Nội	GDCD	Giáng Võ
7	240662	Đinh Hồng	Hà	Nữ	3	7	2010	9A2	Hà Nội	GDCD	Thành Công
8	240663	Mai Minh	Hà	Nữ	18	8	2010	9A4	Hà Nội	GDCD	Mạc Đình Chi
9	240664	Vũ Hồng	Hải	Nữ	14	10	2010	9A7	Hà Nội	GDCD	Giáng Võ
10	240665	Tạ Gia	Hân	Nữ	13	2	2010	9D	Hà Nội	GDCD	Thăng Long
11	240666	Trần Gia	Hân	Nữ	1	2	2011	8A2	Hà Nội	GDCD	Thành Công
12	240667	Đinh Thuý	Hằng	Nữ	9	1	2010	9A1	Hà Nội	GDCD	THCS Phúc Xá
13	240668	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	17	6	2010	9A3	Hà Nội	GDCD	Thống Nhất
14	240669	Bùi Xuân	Hòa	Nam	28	5	2010	9A8	Hà Nội	GDCD	Ba Đình
15	240670	Đoàn Tô Tuệ	Hương	Nữ	14	11	2011	8A4	Hà Nội	GDCD	Giáng Võ
16	240671	Đỗ Khánh	Huyền	Nữ	21	11	2010	9A2	Hà Nội	GDCD	Nguyễn Tri Phương
17	240672	Hoàng An	Khánh	Nam	14	10	2010	9A4	Hà Nội	GDCD	Hoàng Hoa Thám
18	240673	Trần Quốc	Khánh	Nam	12	11	2010	9D	Hà Nội	GDCD	Thăng Long
19	240674	Trần Văn	Khánh	Nữ	7	5	2010	9A8	Hà Nội	GDCD	Ba Đình
20	240675	Trần An	Khuê	Nữ	4	4	2010	9A1	Hà Nội	GDCD	Nguyễn Tri Phương
21	240676	Trần Minh	Khuê	Nữ	22	12	2011	8A1	Hà Nội	GDCD	Thành Công
22	240677	Đinh Gia	Kỳ	Nam	12	4	2010	9A11	Hà Nội	GDCD	Giáng Võ
23	240678	Lê Hương	Linh	Nữ	8	3	2010	9A5	Hà Nội	GDCD	Nguyễn Tri Phương
24	240679	Ngô Tường	Linh	Nữ	14	11	2011	8A1	Hà Nội	GDCD	Thành Công

Danh sách có 24 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024

TRƯỞNG BAN COI THI



Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 29 - Môn thi: GDCD

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240680	Nguyễn Hà Uyên	Linh	Nữ	31	10	2010	9A2	Hà Nội	GDCD	Thành Công
2	240681	Nguyễn Hà	Linh	Nữ	31	1	2010	9A5	Hà Nội	GDCD	Nguyễn Công Trứ
3	240682	Nguyễn Lưu Khánh	Linh	Nữ	15	05	2010	9A2	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ 2
4	240683	Nguyễn Mai	Linh	Nữ	04	01	2011	8A1	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ 2
5	240684	Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	12	4	2011	8A1	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ
6	240685	Tổng Khánh	Linh	Nữ	13	8	2010	9A2	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ
7	240686	Trương Tuyết	Mai	Nữ	26	8	2011	8A4	Hà Nội	GDCD	Mạc Đình Chi
8	240687	Đỗ Nhật	Minh	Nam	24	1	2010	9A6	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ 2
9	240688	Nguyễn Lê Tuyết	Minh	Nữ	2	9	2010	9A5	Hà Nội	GDCD	Phan Chu Trinh
10	240689	Nguyễn Hà	My	Nữ	8	9	2010	9A4	Hà Nội	GDCD	Hoàng Hoa Thám
11	240690	Nguyễn Hà	My	Nữ	2	3	2010	9A5	Hà Nội	GDCD	Phan Chu Trinh
12	240691	Nguyễn Hoàng Ngọc	My	Nữ	11	7	2011	8C	Hà Nội	GDCD	Thực Nghiệm KHGD
13	240692	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	4	4	2010	9A3	Hà Nội	GDCD	Ba Đình
14	240693	Nguyễn Công	Nam	Nam	18	11	2011	8A1	Hà Nội	GDCD	Mạc Đình Chi
15	240694	Nguyễn Linh	Nga	Nữ	14	5	2011	8A1	Hà Nội	GDCD	Thăng Long
16	240695	Lê Hồng	Ngọc	Nữ	1	2	2010	9A5	Hà Nội	GDCD	Nguyễn Công Trứ
17	240696	Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	21	9	2010	9A4	Hà Nội	GDCD	Nguyễn Trãi
18	240697	Nguyễn Hà Quế	Nhi	Nữ	27	4	2010	9D	Hà Nội	GDCD	Thăng Long
19	240698	Hồ Cẩm	Nhung	Nữ	3	4	2010	9A1	Hà Nội	GDCD	Ba Đình
20	240699	Nguyễn Phương	Nhung	Nữ	17	9	2010	9D	Hà Nội	GDCD	Thăng Long
21	240700	Đỗ Lâm	Phong	Nam	16	2	2010	9A8	Hà Nội	GDCD	Ba Đình
22	240701	Hoàng Cao	Phong	Nam	7	5	2010	9A5	Hà Nội	GDCD	Nguyễn Trãi
23	240702	Lê Hải	Phương	Nữ	9	9	2011	8A11	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ
24	240703	Nguyễn Minh	Phương	Nữ	16	4	2010	9A6	Hà Nội	GDCD	Phan Chu Trinh

Danh sách có 24 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN CỎI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 30 - Môn thi: GD CD

Họ và tên CBCT1:.....
Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký
Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240704	Nguyễn Thị Hà	Phuong	Nữ	26	5	2010	9A1	Hà Nội	GD CD	Nguyễn Tri Phương
2	240705	Phùng Khánh	Phuong	Nữ	22	8	2011	8C	Hà Nội	GD CD	Thực Nghiệm KHGD
3	240706	Hoàng Minh	Quân	Nam	8	4	2010	9A3	Hà Nội	GD CD	Nguyễn Tri Phương
4	240707	Nhữ Tú	Quyên	Nữ	28	9	2010	8A2	Hà Nội	GD CD	Mạc Đình Chi
5	240708	Trần Thục	Quyên	Nữ	21	8	2010	9A7	Hà Nội	GD CD	Giảng Võ
6	240709	Nguyễn	Son	Nam	14	4	2010	9A4	Hà Nội	GD CD	Nguyễn Trãi
7	240710	Bùi Mai Tuấn	Thăng	Nam	6	3	2010	9D	Hà Nội	GD CD	Thăng Long
8	240711	Nguyễn Kim	Thanh	Nữ	25	10	2010	9A2	Hà Nội	GD CD	Thống Nhất
9	240712	Chu Phương	Thảo	Nữ	25	4	2011	8A3	Hà Nội	GD CD	Giảng Võ 2
10	240713	Dương Phương	Thảo	Nữ	16	7	2010	9A7	Hà Nội	GD CD	Giảng Võ
11	240714	Nguyễn Vũ Anh	Thư	Nữ	13	11	2010	9A3	Hà Nội	GD CD	Ba Đình
12	240715	Ngô Minh	Thủy	Nữ	22	8	2010	9A3	Hà Nội	GD CD	THCS Phúc Xá
13	240716	Nguyễn Cao Khánh	Thy	Nữ	25	10	2011	8A1	Hà Nội	GD CD	Giảng Võ
14	240717	Cao Minh	Trang	Nữ	19	11	2010	9A2	Hà Nội	GD CD	THCS Phúc Xá
15	240718	Nguyễn Minh	Trí	Nam	28	04	2011	8A4	Hà Nội	GD CD	Giảng Võ 2
16	240719	Nguyễn Hữu Đình	Tùng	Nam	30	3	2010	9D	Hà Nội	GD CD	Thăng Long
17	240720	Lê Minh	Tường	Nam	1	11	2010	9A6	Hà Nội	GD CD	Phan Chu Trinh
18	240721	Cù Hà Phương	Uyên	Nữ	31	7	2010	9A5	Hà Nội	GD CD	Nguyễn Trãi
19	240722	Đỗ Đức	Việt	Nam	29	6	2010	9A3	Hà Nội	GD CD	Mạc Đình Chi
20	240723	Bùi Khánh	Vy	Nữ	7	9	2010	9A9	Hà Nội	GD CD	Phan Chu Trinh
21	240724	Lê Thảo	Vy	Nữ	31	3	2011	8A4	Hà Nội	GD CD	Giảng Võ
22	240725	Nghiêm Hà	Vy	Nữ	20	7	2010	9C	Hà Nội	GD CD	Thực Nghiệm KHGD
23	240726	Nguyễn Bảo	Vy	Nữ	8	2	2010	9A1	Hà Nội	GD CD	Ba Đình
24	240727	Nguyễn Trần Hà	Vy	Nữ	6	3	2010	9D	Hà Nội	GD CD	Thăng Long
25	240728	Phạm Nguyễn Bảo	Vy	Nữ	1	8	2011	8A11	Hà Nội	GD CD	Giảng Võ

Danh sách có 25 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 31 - Môn thi: Tin học

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240729	Nguyễn Minh	An	Nam	11	9	2012	7A3	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ
2	240730	Phạm Huy	An	Nam	29	1	2010	9A3	Hà Nội	Tin học	Thăng Long
3	240731	Đỗ Duy	Anh	Nam	22	5	2010	9A2	Hà Nội	Tin học	Thăng Long
4	240732	Đỗ Lâm	Anh	Nam	24	12	2011	8A1	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ 2
5	240733	Nguyễn Đức	Anh	Nam	1	3	2010	9A1	Hà Nội	Tin học	Thành Công
6	240734	Nguyễn Giang	Anh	Nữ	25	1	2010	9A0	Hà Nội	Tin học	Thăng Long
7	240735	Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	12	11	2010	9A2	Hà Nội	Tin học	Thăng Long
8	240736	Trần Minh Nhật	Anh	Nam	3	12	2011	8A1	Hà Nội	Tin học	Mạc Đình Chi
9	240737	Nguyễn Việt	Bách	Nam	18	10	2011	8A2	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ
10	240738	Đặng Gia	Bảo	Nam	18	4	2011	8A1	Hà Nội	Tin học	Thống Nhất
11	240739	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	21	9	2012	7A4	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ
12	240740	Phạm Minh	Đông	Nam	17	12	2010	9A5	Hà Nội	Tin học	Phan Chu Trinh
13	240741	Đào Ánh	Giang	Nữ	26	9	2011	8A2	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ
14	240742	Hồ Quỳnh	Hoa	Nữ	7	1	2010	9A3	Hà Nội	Tin học	Thăng Long
15	240743	Nguyễn Thành	Hung	Nam	8	1	2011	8A2	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ
16	240744	Phạm Minh	Khôi	Nam	10	4	2010	9A1	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ 2
17	240745	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	17	7	2010	9A5	Hà Nội	Tin học	Phan Chu Trinh
18	240746	Hoàng Khải	Lâm	Nam	17	10	2010	9A6	Hải Phòng	Tin học	Thăng Long
19	240747	Đặng Quang	Minh	Nam	29	10	2010	9A3	Hà Nội	Tin học	Mạc Đình Chi
20	240748	Đinh Lê	Minh	Nam	20	6	2011	8A2	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ
21	240749	Hoàng Tuấn	Minh	Nam	19	8	2010	9A5	Hà Nội	Tin học	Phan Chu Trinh
22	240750	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	13	6	2010	9A1	Hà Nội	Tin học	Phan Chu Trinh
23	240751	Trần Nguyễn Bình	Minh	Nam	7	2	2010	9C	TP HCM	Tin học	Thực Nghiệm KHGD
24	240752	Trịnh Quang	Minh	Nam	20	10	2010	9A1	Hà Nội	Tin học	Phan Chu Trinh
25	240753	Đỗ Dương Khôi	Nguyễn	Nam	13	11	2010	9A4	Hà Nội	Tin học	Ba Đình
26	240754	Dương Hải	Nguyễn	Nam	5	6	2011	8A3	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ
27	240755	Lê Trung	Nguyễn	Nam	2	11	2010	9A5	Hà Nội	Tin học	Phan Chu Trinh
28	240756	Nguyễn Văn	Phát	Nam	3	2	2010	9A1	Hà Nội	Tin học	Phan Chu Trinh
29	240757	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	24	6	2010	9a3	Hà Nội	Tin học	Mạc Đình Chi
30	240758	Trần	Quỳnh	Nam	7	5	2010	9A1	Hà Nội	Tin học	Hoàng Hoa Thám
31	240759	Triệu Bình	Son	Nam	27	10	2010	9A8	Nam Định	Tin học	Giảng Võ
32	240760	Đặng Phương	Thái	Nam	17	1	2011	8A3	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ
33	240761	Phan Khôi	Thái	Nam	5	1	2011	8A1	Hà Nội	Tin học	Thành Công
34	240762	Dương Danh	Thanh	Nam	28	6	2010	9A1	Hà Nội	Tin học	Phan Chu Trinh
35	240763	Trần Đức Phúc	Thiện	Nam	2	11	2010	9A1	Hà Nội	Tin học	Phan Chu Trinh
36	240764	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	5	11	2010	9C	Hà Nội	Tin học	Thăng Long
37	240765	Lê Đức	Trí	Nam	7	6	2011	8A9	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ
38	240766	Hoàng Nam	Trung	Nam	19	11	2010	9A3	Hà Nội	Tin học	Nguyễn Công Trứ
39	240767	Trần Việt	Tuyến	Nam	29	7	2010	9A1	Hà Nội	Tin học	Ba Đình

Danh sách có 39 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024

TRƯỞNG BAN COI THI



Lê Đức Thuận

UBND QUẬN BA ĐÌNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP QUẬN CÁC MÔN VĂN HOÁ LỚP 9 (VÒNG 1)
NĂM HỌC 2024-2025

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 32 - Môn thi: Tiếng Anh

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240768	Nguyễn Hoàng	An	Nam	27	5	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
2	240769	Nguyễn Nhật	An	Nữ	16	11	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Ba Đình
3	240770	Phạm Bình	An	Nữ	7	10	2010	9B	Hà Nội	Tiếng Anh	Thăng Long
4	240771	Nguyễn Diệu	Anh	Nữ	15	10	2011	8A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Thăng Long
5	240772	Nguyễn Đức	Anh	Nam	24	9	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Công Trứ
6	240773	Nguyễn Đức	Anh	Nam	1	3	2010	9A9	Hà Nội	Tiếng Anh	Phan Chu Trinh
7	240774	Nguyễn Duy	Anh	Nam	24	2	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Công Trứ
8	240775	Nguyễn Mỹ	Anh	Nữ	9	4	2011	8A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ 2
9	240776	Phạm Hoàng	Anh	Nam	8	7	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ 2
10	240777	Phạm Ngân	Anh	Nữ	4	2	2010	9A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Thăng Long
11	240778	Phạm Trí	Anh	Nam	28	3	2010	9A0	Hà Nội	Tiếng Anh	Thăng Long
12	240779	Trần Minh	Anh	Nữ	22	3	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
13	240780	Trần Nguyễn Bảo	Anh	Nữ	14	10	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Vinschool Metropolis
14	240781	Vũ Phương	Anh	Nữ	15	5	2010	9A6	Hà Nội	Tiếng Anh	Phan Chu Trinh
15	240782	Chu Quang	Bách	Nam	24	11	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Hoàng Hoa Thám
16	240783	Nguyễn Đăng Duy	Bách	Nam	26	7	2011	8A6	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
17	240784	Vũ Hoàng	Bách	Nam	21	1	2010	9A9	Hà Nội	Tiếng Anh	Phan Chu Trinh
18	240785	Nguyễn Khánh	Băng	Nữ	12	12	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Thành Công
19	240786	Nguyễn Đào Minh	Châu	Nữ	23	8	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ 2
20	240787	Phạm Nguyễn Bảo	Châu	Nữ	10	3	2010	9B1	Hà Nội	Tiếng Anh	Vinschool Metropolis
21	240788	Trần Ngọc	Châu	Nữ	2	2	2010	9A0	Hà Nội	Tiếng Anh	Thăng Long
22	240789	Trần Nguyễn Bảo	Châu	Nữ	7	11	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
23	240790	Trần Phạm Minh	Châu	Nữ	24	6	2011	8A6	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
24	240791	Trần Cúc	Chi	Nữ	7	1	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Phan Chu Trinh

Danh sách có 24 thí sinh./

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 33 - Môn thi: Tiếng Anh

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trưởng THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1'	240792	Trần Hà	Chi	Nữ	20	3	2010	9A6	Hà Nội	Tiếng Anh	Thăng Lọng
2	240793	Vũ Hà	Chi	Nữ	15	7	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Tri Phương
3	240794	Vũ Quỳnh	Chi	Nữ	20	5	2010	9A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Phan Chu Trinh
4	240795	Hoàng Lê Hà	Chi	Nữ	22	7	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Anh	Mạc Đình Chi
5	240796	Thành Linh	Đan	Nữ	24	5	2010	9C	Hà Nội	Tiếng Anh	Thực Nghiệm KHGD
6	240797	Nhữ Quỳnh	Đan	Nữ	1	10	2011	8A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
7	240798	Ngô Vi Hải	Đăng	Nam	11	1	2010	9A7	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
8	240799	Vũ Hải	Đăng	Nam	30	1	2010	9D	Hà Nội	Tiếng Anh	Thăng Long
9	240800	Nguyễn Minh	Đăng	Nam	31	12	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Thành Công
10	240801	Nguyễn Anh	Đức	Nam	14	12	2010	9A6	Hà Nội	Tiếng Anh	Thành Công
11	240802	Nguyễn Minh	Dũng	Nam	11	1	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Thống Nhất
12	240803	Mai Thái	Dương	Nam	13	4	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Công Trứ
13	240804	Hà Bảo	Duy	Nam	16	6	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Ba Đình
14	240805	Đinh Ngân	Giang	Nữ	9	9	2011	8A3	Hà Nội	Tiếng Anh	Thành Công
15	240806	Dương Ngọc Linh	Giang	Nữ	25	8	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ 2
16	240807	Nguyễn Vũ Kiều	Giang	Nữ	20	5	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
17	240808	Thái Hương	Giang	Nữ	2	1	2011	8A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Thăng Long
18	240809	Trịnh Tuệ	Giang	Nữ	5	7	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Tri Phương
19	240810	Vũ Hương	Giang	Nữ	31	3	2010	9A6	Hà Nội	Tiếng Anh	Phan Chu Trinh
20	240811	Cung Minh	Hà	Nữ	6	12	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Ba Đình
21	240812	Hoàng An	Hà	Nữ	27	9	2010	9A5	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Trãi
22	240813	Lê Đào Minh	Hà	Nữ	10	9	2010	9A2	TP HCM	Tiếng Anh	Giảng Võ 2
23	240814	Ngô Khánh	Hà	Nữ	12	6	2010	9A5	Hà Nội	Tiếng Anh	Phan Chu Trinh
24	240815	Nguyễn Phương Vân	Hà	Nữ	18	10	2010	9A9	Hà Nội	Tiếng Anh	Phan Chu Trinh

Danh sách có 24 thí sinh./

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 34 - Môn thi: Tiếng Anh

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240816	Phạm Bảo	Hà	Nữ	19	9	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Trãi
2	240817	Trần Thu	Hà	Nữ	1	11	2011	8A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ 2
3	240818	Mai Hữu	Hân	Nam	22	4	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ 2
4	240819	An Hoàng	Hoa	Nữ	22	8	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Mạc Đình Chi
5	240820	Đoàn Hà Ngọc	Huyền	Nữ	16	12	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Ba Đình
6	240821	Dương Thu	Huyền	Nữ	22	9	2010	9A7	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ 2
7	240822	Bùi Trần Văn	Khanh	Nữ	18	9	2010	9A5	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Tri Phương
8	240823	Vũ Bảo	Khanh	Nữ	4	12	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Anh	Thăng Long
9	240824	Phạm Đỗ Gia	Khánh	Nam	29	4	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Tri Phương
10	240825	Đặng Anh	Khoa	Nam	8	9	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Tri Phương
11	240826	Nguyễn Lâm	Khoa	Nam	17	1	2010	9A5	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
12	240827	Hoa Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	21	2	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Thành Công
13	240828	Vũ Minh	Khôi	Nam	21	10	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Công Trứ
14	240829	Vũ	Khôi	Nam	17	11	2010	9B1	Hà Nội	Tiếng Anh	Vinschool Metropolis
15	240830	Phạm Minh	Khuê	Nữ	3	2	2010	9A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Hoàng Hoa Thám
16	240831	Đặng Thị Quế	Lâm	Nữ	3	6	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Thành Công
17	240832	Hoàng Bảo	Lâm	Nam	3	10	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Tri Phương
18	240833	Lã Chí	Lâm	Nam	8	5	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Thống Nhất
19	240834	Nguyễn Cao Đức	Lâm	Nam	20	2	2010	9A5	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Trãi
20	240835	Nguyễn Mạnh	Lâm	Nam	9	10	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Ba Đình
21	240836	Nguyễn Vũ Tuệ	Lâm	Nữ	17	8	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
22	240837	Nguyễn Hoàng Huy	Lâm	Nam	7	2	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Thành Công
23	240838	Nguyễn Hà	Linh	Nữ	10	12	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Thăng Long
24	240839	Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	22	1	2010	9A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Tri Phương

Danh sách có 24 thí sinh./

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI

Lê Đức Thuận

UBND QUẬN BA ĐÌNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP QUẬN CÁC MÔN VĂN HOÁ LỚP 9 (VÒNG 1)
NĂM HỌC 2024-2025

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 35 - Môn thi: Tiếng Anh

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240840	Vũ Khánh	Linh	Nữ	9	2	2010	9A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
2	240841	Nguyễn Vũ Thăng	Long	Nam	4	11	2010	9A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Hoàng Hoa Thám
3	240842	Lưu Nguyễn Ân	Mai	Nữ	19	7	2011	8A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
4	240843	Đặng Nguyên	Minh	Nam	14	2	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Anh	Phan Chu Trinh
5	240844	Đào Nguyệt	Minh	Nữ	30	11	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ 2
6	240845	Lê Song	Minh	Nữ	13	7	2010	9A6	Hà Nội	Tiếng Anh	Thăng Long
7	240846	Nguyễn Anh	Minh	Nam	6	6	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Trãi
8	240847	Nguyễn Hạnh	Minh	Nữ	11	3	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
9	240848	Nguyễn	Minh	Nam	15	8	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Ba Đình
10	240849	Phạm Minh	Minh	Nữ	3	2	2011	8A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
11	240850	Vũ Trí Nhật	Minh	Nam	11	11	2010	9A0	Hà Nội	Tiếng Anh	Thăng Long
12	240851	Nguyễn Hà	My	Nữ	25	1	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ 2
13	240852	Nguyễn Ngọc Huyền	My	Nữ	16	10	2010	9A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Mạc Đĩnh Chi
14	240853	Nguyễn Trần Hà	My	Nữ	7	7	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Thành Công
15	240854	Trần Châu	My	Nữ	29	9	2010	9A9	Hà Nội	Tiếng Anh	Phan Chu Trinh
16	240855	Đặng Huy Khánh	Nam	Nam	20	9	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Ba Đình
17	240856	Nguyễn Bảo	Nam	Nam	18	1	2010	9A8	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
18	240857	Nguyễn Khoa	Nam	Nam	19	8	2010	9A8	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
19	240858	Lê Hoàng Tú	Nghi	Nữ	10	7	2010	9D	Hà Nội	Tiếng Anh	Thực Nghiệm KHGD
20	240859	Trần Minh	Nghĩa	Nam	3	1	2010	9A5	Hà Nội	Tiếng Anh	Phan Chu Trinh
21	240860	Nguyễn Hằng Bảo	Ngọc	Nữ	8	7	2010	9B	Hà Nội	Tiếng Anh	Thực Nghiệm KHGD
22	240861	Vũ Lê Bảo	Ngọc	Nữ	2	6	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Thăng Long
23	240862	Vương Lan	Ngọc	Nữ	16	7	2011	8A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ 2
24	240863	Bùi Phúc	Nguyên	Nam	11	4	2011	8A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Thăng Long

Danh sách có 24 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 36 - Môn thi: Tiếng Anh

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240864	Nguyễn Sỹ Trường	Nguyễn	Nam	8	3	2010	9A5	Hà Nội	Tiếng Anh	Phan Chu Trinh
2	240865	Dương Như	Nguyệt	Nữ	24	3	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Tri Phương
3	240866	Dương Hoàng Khánh	Nhi	Nữ	15	2	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Anh	Vinschool Metropolis
4	240867	Thái Ngọc	Nhi	Nữ	4	12	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
5	240868	Dương Yến	Như	Nữ	28	1	2010	9B2	Hà Nội	Tiếng Anh	Vinschool Metropolis
6	240869	Nguyễn Ngọc	Nhung	Nữ	26	6	2010	9A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Hoàng Hoa Thám
7	240870	Đặng Xuân Hoàng	Phú	Nam	4	5	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Anh	Mạc Đĩnh Chi
8	240871	Trần Vũ Bách	Phước	Nam	11	6	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
9	240872	Đinh Minh	Phuong	Nữ	10	2	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ
10	240873	Nguyễn Thị Lâm	Phuong	Nữ	18	2	2010	9A	Hà Nội	Tiếng Anh	Thực Nghiệm KHGD
11	240874	Ngô Hoàng	Quân	Nam	4	11	2010	9A0	Hà Nội	Tiếng Anh	Thăng Long
12	240875	Đặng Lê	Quang	Nam	23	5	2010	9B1	Hà Nội	Tiếng Anh	Vinschool Metropolis
13	240876	Lê Thanh	Sang	Nam	20	10	2010	9A5	Hà Nội	Tiếng Anh	Nguyễn Tri Phương
14	240877	Nguyễn Bảo	Son	Nam	18	9	2010	9A9	Hà Nội	Tiếng Anh	Phan Chu Trinh
15	240878	Vũ Nguyễn Thái	Son	Nam	25	8	2010	9A10	Hà Nội	Tiếng Anh	Phan Chu Trinh
16	240879	Nguyễn Danh Gia	Thái	Nam	19	7	2010	9A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Hoàng Hoa Thám
17	240880	Lê Phương	Thảo	Nữ	8	6	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Anh	Mạc Đĩnh Chi
18	240881	Lê Cao	Thiện	Nam	26	2	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Anh	Thành Công
19	240882	Trần Anh	Thư	Nữ	1	12	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Thống Nhất
20	240883	Nguyễn Khánh	Vân	Nữ	8	11	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Ba Đình
21	240884	Bùi Hà	Vy	Nữ	17	6	2010	9B2	Hà Nội	Tiếng Anh	Vinschool Metropolis
22	240885	Đỗ Phương	Vy	Nữ	28	7	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Vinschool Metropolis
23	240886	Lê Hà	Vy	Nữ	2	2	2010	9A5	Hà Nội	Tiếng Anh	Phan Chu Trinh

Danh sách có 23 thí sinh./

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 37 - Môn thi: Tiếng Pháp

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240887	Phạm Chúc	An	Nữ	29	1	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ
2	240888	Trần Ngọc Bảo	An	Nam	1	9	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ
3	240889	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	9	11	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ
4	240890	Đỗ Gia	Bình	Nam	3	10	2011	8P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ
5	240891	Nguyễn Phương	Chi	Nữ	24	6	2010	9P	Thái Bình	Tiếng Pháp	Giảng Võ
6	240892	Hoàng Bảo	Đan	Nữ	26	7	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ
7	240893	Nguyễn Minh	Đức	Nam	26	2	2011	8P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ
8	240894	Đỗ Hương	Giang	Nữ	18	2	2011	8P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ
9	240895	Trần Hoàng	Khanh	Nữ	20	10	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ
10	240896	Hoàng Chi Diệu	Linh	Nữ	14	3	2010	9P	Pháp	Tiếng Pháp	Giảng Võ
11	240897	Nguyễn Trúc	Linh	Nữ	3	1	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ
12	240898	Vũ Bảo	Linh	Nữ	3	9	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ
13	240899	Nguyễn Khánh	Ngọc	Nữ	4	3	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ
14	240900	Nguyễn Phương	Nguyễn	Nữ	1	11	2011	8P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ
15	240901	Trịnh Khánh	Thư	Nữ	11	8	2011	8P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ
16	240902	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	1	9	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ
17	240903	Nguyễn Đỗ Tường	Vân	Nữ	8	3	2011	8P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ
18	240904	Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	31	1	2011	8P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ

Danh sách có 18 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 38 - Môn thi: Tiếng Nhật

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240905	Lê Thủy	An	Nữ	11	7	2011	8A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thăng Long
2	240906	Đặng Châu	Anh	Nữ	10	7	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thăng Long
3	240907	Dư Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	5	11	2010	9C	Pháp	Tiếng Nhật	Thực Nghiệm KHGD
4	240908	Nguyễn Lâm Phương	Anh	Nữ	5	4	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Nhật	Nguyễn Trãi
5	240909	Phan Hiền	Anh	Nữ	13	4	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thăng Long
6	240910	Tôn Tuệ	Anh	Nữ	21	1	2010	9C	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thực Nghiệm KHGD
7	240911	Chữ Đức	Anh	Nam	7	8	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thành Công
8	240912	Nguyễn Hà Minh	Anh	Nữ	19	4	2011	8A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thành Công
9	240913	Nguyễn Ngọc	Bào	Nam	9	10	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thăng Long
10	240914	Mai Hà	Chi	Nữ	2	5	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thăng Long
11	240915	Nguyễn Hiền Linh	Chi	Nữ	10	4	2011	8C	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thăng Long
12	240916	Phạm Khánh	Chi	Nữ	7	3	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Nhật	Nguyễn Công Trứ
13	240917	Nguyễn Duy	Đạt	Nam	8	1	2010	9D	Hải Phòng	Tiếng Nhật	Thăng Long
14	240918	Đỗ Hồng	Hà	Nữ	6	12	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Nhật	Nguyễn Công Trứ
15	240919	Kiều Nguyễn Đan	Hà	Nữ	27	4	2010	9C	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thực Nghiệm KHGD
16	240920	Lâm Bảo	Hà	Nữ	12	4	2010	9C	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thực Nghiệm KHGD
17	240921	Nguyễn Phương	Hà	Nữ	3	2	2010	9D	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thăng Long
18	240922	Trần Nam	Khánh	Nam	10	10	2010	9C	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thực Nghiệm KHGD
19	240923	Nguyễn Ngọc	Khuê	Nữ	26	6	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Nhật	Nguyễn Trãi
20	240924	Trần Minh	Khuê	Nữ	7	4	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thành Công
21	240925	Trương Minh	Khuê	Nữ	4	9	2010	9C	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thực Nghiệm KHGD
22	240926	Ngọc Diễm	Lan	Nữ	9	3	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thành Công
23	240927	Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	10	6	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thành Công

Danh sách có 23 thí sinh./.

Bà Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN COI THI

Lê Đức Thuận

DANH SÁCH THÍ SINH
Phòng thi số: 39 - Môn thi: Tiếng Nhật

Họ và tên CBCT1:.....

Chữ ký

Họ và tên CBCT2:.....

Chữ ký

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS
					Ngày	Tháng	Năm				
1	240928	Trần Ngọc	Linh	Nữ	12	11	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Nhật	Nguyễn Trãi
2	240929	Võ Gia	Linh	Nữ	18	8	2009	9B	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thực Nghiệm KHGD
3	240930	Nguyễn Ngọc	Minh	Nữ	20	3	2010	9D	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thăng Long
4	240931	Nguyễn Ngọc	Minh	Nữ	4	2	2010	9C	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thực Nghiệm KHGD
5	240932	Lê Ngọc Huyền	My	Nữ	9	10	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thăng Long
6	240933	Nguyễn Diễm	My	Nữ	6	5	2010	9D	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thăng Long
7	240934	Ngô Trang	Nhi	Nữ	16	1	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Nhật	Nguyễn Công Trứ
8	240935	Nguyễn Đỗ Hương	Nhi	Nữ	29	6	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Nhật	Nguyễn Công Trứ
9	240936	Đỗ Ngọc Minh	Phuong	Nữ	12	3	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thành Công
10	240937	Ngô Ngọc Diệp	Phuong	Nữ	3	5	2011	8A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thăng Long
11	240938	Bùi Trí	Quang	Nam	26	4	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Nhật	Nguyễn Trãi
12	240939	Phùng Minh	Quang	Nam	3	3	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Nhật	Nguyễn Trãi
13	240940	Nguyễn Mỹ	Tâm	Nữ	18	7	2010	9D	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thăng Long
14	240941	Bùi Xuân	Thành	Nam	24	3	2010	9C	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thực Nghiệm KHGD
15	240942	Nguyễn Minh	Thu	Nữ	15	10	2010	9C	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thực Nghiệm KHGD
16	240943	Đỗ Ý Thủy	Tiên	Nữ	11	1	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Nhật	Nguyễn Công Trứ
17	240944	Nguyễn Vương Vũ	Tiếp	Nam	13	8	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thăng Long
18	240945	Nguyễn Khánh	Toàn	Nam	26	12	2010	9D	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thăng Long
19	240946	Nguyễn Bảo	Trâm	Nữ	19	11	2011	8A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thành Công
20	240947	Nguyễn Hà	Trang	Nữ	18	11	2010	9D	Hung Yên	Tiếng Nhật	Thăng Long
21	240948	Nguyễn Hoàng	Trang	Nữ	29	11	2010	9A3	Hà Nội	Tiếng Nhật	Thăng Long
22	240949	Nguyễn Lâm Nhật	Vy	Nữ	17	2	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Nhật	Nguyễn Công Trứ

Danh sách có 22 thí sinh./

Ba Đình, ngày 04 tháng 11 năm 2024
TRƯỞNG BAN CỎI THI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BA ĐÌNH - T.P. HÀ NỘI
Lê Đức Thuận